

Số: 0103/COZY-PTN

Hải Phòng, ngày 15 tháng 8 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng Hải Phòng;
- Các Chủ đầu tư; Ban Quản lý dự án, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Quy hoạch Xây dựng Cozy;

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 0201903844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 24/09/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/07/2025.

Bộ Xây dựng đã cấp Giấy chứng nhận số 792/GCN-BXD ngày 21/11/2018; số 150/GCN-BXD ngày 07/7/2020; số 120/GCN-BXD ngày 04/5/2022 chứng nhận Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Quy hoạch Xây dựng Cozy đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với mã số LAS-XD 1803.

Viện Công nhận chất lượng Việt Nam đã cấp Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm vật liệu và Kiểm định chất lượng công trình - Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Quy hoạch Xây dựng Cozy đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với mã VALAS 203 ngày cấp 09/02/2026.

Tên Phòng Thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm vật liệu và Kiểm định chất lượng công trình

Địa chỉ: Số 3/193 đường Văn Cao, phường Hải An, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 628 1803 - Mobile: 0904 268 156 / 0936 311 622

Email: cozyjsc@gmail.com

Website: cozyjsc.com

Địa chỉ đặt Trạm Thí nghiệm hiện trường:

Stt	Tên Trạm hiện trường	Vị trí đặt Trạm hiện trường
1	Trạm hiện trường Hải Hà Quảng Ninh	KCN Texhong Hải Hà, xã Quảng Hà, tỉnh Quảng Ninh

2	Trạm hiện trường Đình Vũ	KCN Deep C2 Đình Vũ – phường Hải An – Hải Phòng
3	Trạm hiện trường Anzen	Tổ dân phố Trang Quan, phường An Hải, Thành phố Hải Phòng
4	Trạm hiện trường Gempark	Số 2A Hồng Bàng, phường Hồng Bàng, Hải Phòng
5	Trạm hiện trường Đồ Sơn	Khu Vụng Xéc, phường Đồ Sơn, Hải Phòng

2 – Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	XI MĂNG			
1	Xác định độ mịn bằng phương pháp sàng	TCVN 13605:2023	Máy lắc sàng, cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến, Phạm Thị Dân, Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ
2	Xác định độ mịn bằng phương pháp thấm không khí (phương pháp Blaine)	TCVN 13605:2023	Bộ tỷ diện xi măng Blaine DBT-127	
3	Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Bình KLR, cân phân tích	
4	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109; ASTM C1074; AASHTO T106; EN 196-1:05; JIS R5201:97	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
5	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 6017:2015 ; ASTM C187	Máy trộn vữa xi măng Dụng cụ Vicat	
6	Thời gian đông kết	TCVN 8875:2012 ; ASTM C191 ; AASHTO T131	Dụng cụ Vicat	
7	Tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Bộ đo Le Chatelier	
8	Độ nở sunphat	TCVN 6068:2020	Tủ dưỡng hồ mẫu Khung đo, đồng hồ đo	
9	Độ giãn nở Autoclave	TCVN 8877:2011	Thiết bị đo độ nở xi măng Autoclave	
10	Thí nghiệm hàm lượng SO ₃ , hàm lượng mất khi nung, Hàm lượng MgO, Hàm lượng Cặn không tan, Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , BaO, C ₃ A, C ₄ AF + 2C ₃ A, hàm lượng CL-	TCVN 141:2023	Cân điện tử hiển thị số 0,0001g Lò nung, hóa chất...	Nguyễn Văn Duy
11	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat	TCVN 7713 : 2007	Cân đĩa điện tử Khung đo, đồng hồ đo	
12	Xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước	TCVN 12003:2018		
	BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
13	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; AASHTO T119; ASTM C143; BS EN 12350-5	Côn thử độ sụt	
14	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; AASHTO T121; ASTM C138; BS EN 12350-06	Bộ xác định khối lượng thể tích	

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên	
15	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93; ASTM D2850-3a, D4767-3a; BS 1377; AASHTO T234	Cân kỹ thuật Bộ sàng	Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến, Phạm Thị Dân, Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Phạm Ngọc Thao, Nguyễn Ngọc Lâm, Đào Quang Minh Chiến, Nguyễn Công Tuấn	
16	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; ASTM C1585; BS 1881:08; BS 1881-122	Cân kỹ thuật Tủ sấy 101-2		
17	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C418	Máy mài mòn bề mặt bê tông		
18	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642; AASHTO T121	Cân kỹ thuật Tủ sấy 101-2, thước đo		
19	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; BS EN 12390-8; ASTM C1585, C403, T27, T37; DIN 1048	Máy thử thấm bê tông		
20	Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022; ASTM C157; AASHTO T22	Đồng hồ so 0-10mm Gá đo		
21	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42; EN 12390-3; EN 12504-1; JIS A1107, A1108; AS 1012.9	Máy thử độ bền nén bê tông		
22	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:2022; ASTM C293, C78; EN 12390-5; JIS A1114, A1106; AASHTO T97, T177	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN Bộ gá uốn		
23	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403	Bộ xuyên thời gian đông kết bê tông		
24	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:12; ASTM C1064 AASHTO T309	Nhiệt kế đo APECH305		
25	Xác định cường độ chịu ép chẻ bê tông	TCVN 3120:2022	Bộ ép chẻ		
26	Bê tông nặng - xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9336:2012	Cân điện tử hiển thị số 0,0001g Tủ sấy 101-2 Lò nung		Nguyễn Văn Duy
CÓT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA					
27	Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006	Máy lắc sàng ZBSX-92A Cân kỹ thuật		Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến, Phạm Thị Dân, Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Phạm Ngọc Thao, Nguyễn Ngọc Lâm,
28	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật Tủ sấy 101-2		
29	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006			
30	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006			
31	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật Tủ sấy 101-2 Thùng bùn bụi sét		
32	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Cân kỹ thuật Thang màu		

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
33	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	Đào Quang Minh Chiến, Nguyễn Công Tuấn
34	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Xi lanh nén đập	
35	Độ ổn định thể tích của cốt liệu bằng Natri hoặc Magie sulfat	AASHTO T104 - 94, ASTM C88-90, BS EN 1367-2	Cân kỹ thuật Tủ sấy 101-2	
36	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	Máy mài mòn Los Angeles MH-II	
37	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Thước cặp điện tử	
38	Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật Tủ sấy 101-2	
39	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật Tủ sấy 101-2 Sàng tiêu chuẩn	Nguyễn Văn Duy
40	Xác định hàm lượng clorua (Cl ⁻)	TCVN 7572-15:2006	Cân điện tử 0,0001g(PR224/E) Tủ sấy 101-2	
41	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic	TCVN 7572-14:2006	Cân điện tử 0,0001g Bình phản ứng	
42	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit	TCVN 7572-16:2006	Cân điện tử 0,0001g Tủ sấy 101-2	
43	Xác định hàm lượng hạt đập bị vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật	Vũ Minh Tiến, Phạm Thị Dần
44	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn, thô	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304; T326	Ổng đồng Cân kỹ thuật	
	VỮA XÂY DỰNG			
45	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022;	Sàng kỹ thuật Cân kỹ thuật Tủ sấy 101-2	Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến, Phạm Thị Dần, Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Phạm Ngọc Thảo, Nguyễn Ngọc Lâm, Đào Quang Minh Chiến, Nguyễn Công Tuấn
46	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Cân kỹ thuật Bàn dẫn	
47	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật Bình đong	
48	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Bình hút chân không	
49	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Bộ xuyên thời gian đông kết bê tông	
50	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật	
51	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, khuôn đúc mẫu	
52	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Tủ sấy 101-2 Cân kỹ thuật	
53	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022	Máy thử cường độ bám dính	
54	Xác định hàm lượng ion clo hoà tan trong nước	TCVN 3121-17:2022	Cân phân tích 0,0001g Tủ sấy 101-2	

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
55	Khả năng tách nước	ASTM C940-89	Ổng đong	
56	Độ giãn nở của vữa sau 24h	ASTM C940-89	Đồng hồ so 0-10mm	
57	Độ chảy của vữa	ASTM C939-10	Bàn đẵn	
58	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co: độ chảy, độ tách nước, cường độ chịu nén, thay đổi chiều dài mẫu vữa đóng rắn	TCVN 9204:2012	Ổng đong, bàn đẵn, Máy thử độ bền kéo nén WDW100, Đồng hồ so 0-10mm, gá đo	
59	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Lượng vón cục trên sàng 2mm Độ chảy, độ chảy lan tỏa, Độ tách nước, thay đổi thể tích của vữa sau 24h, Thời gian đông kết, Cường độ nén	TCVN 11971:2018	Sàng, cân kỹ thuật, côn rót, ống trụ, ống đong, máy thử độ bền kéo nén WDW100, Đồng hồ so 0-10mm, gá đo	
THÍ NGHIỆM ĐẤT				
60	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ; AASHTO T100-06(10); ASTM D 854-00	Bình tỉ trọng, bơm hút chân không, cân kỹ thuật 0,01g, tủ sấy 101-2...	Vũ Minh Tiến, Phạm Thị Dân, Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Phạm Ngọc Thao, Nguyễn Ngọc Lâm, Đào Quang Minh Chiến, Nguyễn Công Tuấn
61	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-10	Cân kỹ thuật 0.01g, tủ sấy 101-2, sàng kỹ thuật...	
62	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; ASTM D4318-00; AASHTO T89-10; AASHTO T90-00(08)	Bộ xác định chảy dẻo, cân kỹ thuật 0.01g, tủ sấy 101-2 ...	
63	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12; AASHTO T88-10; AASHTO T27-11; ASTM C136-06; ASTM D1140-00; ASTM D422-62(02); JIS A 1204;	Cân kỹ thuật, tủ sấy 101-2, bộ sàng kỹ thuật, máy lắc sàng ZBSX-92A...	
64	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO-T193 ; ASTM D1883	Máy nén CBR, đồng hồ biến dạng 0-30mm, khuôn CBR, máy đầm proctor DJY-III, cân kỹ thuật...	
65	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00; TCVN 8723:2012	Thiết bị thí nghiệm thấm, cân kỹ thuật, sàng...	
66	Xác định hàm lượng hữu cơ trong đất	ASTM D2974; BS 1377-3:90	Lò nung SX2-4-10, cân kỹ thuật...	
67	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020	Máy đầm proctor DJY-III, cân kỹ thuật, máy lắc sàng ZBSX-92A...	
68	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
69	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu	TCVN 8862:2011	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, bộ gá ép chế	

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
70	Hàm lượng Canxi Cacbonat	TCVN 3912:1984	Cân phân tích hiển thị số 0,0001g(PR224/E), hóa chất...	Nguyễn Văn Duy
71	Hàm lượng muối dễ hoà tan trong đất	TCVN 9436:2012	Cân phân tích hiển thị số 0,0001g(PR224/E), hóa chất...	
72	Xác định các đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012	Bộ trương nở đất	
BÊ TÔNG NHỰA				
73	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Phương pháp xác định thành phần hạt; Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đổ đầm nén; Phương pháp xác định độ chảy nhựa; Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư; Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu; Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:11; AASHTO T245, D6926; ASTM D1559	Máy đầm marshall MZ-IJ Máy chiết nhựa ly tâm Máy lác sàng ZBSX-92A Lò nung SX2-4-10 Cân kỹ thuật 0.1g và 0.01g ...	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
NHỰA BITUM				
74	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05;AASHTO T49;ASTM D5-97;22 TCN 279-01	Thiết bị kim lún nhựa SZR-5	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
75	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:05;AASHTO T51;ASTM D36-00	Thiết bị đo giãn dài nhựa đường SY-15	
76	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05;AASHTO T53-96;ASTM D36:00	Thiết bị đo độ hóa mềm nhựa đường SYD-2806E	
77	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05;AASHTO T48;ASTM D92-02b, TCVN 8818-2	Thiết bị xác định độ bắt lửa	
78	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499:05;ASTM D6-00;AASHTO T179, TCVN 11711:2017	Bộ quay kiểm tra tổn thất nhựa, tủ sấy 101-2	
79	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500: 2005;ASTM D2042	Cốc Gooch, cân phân tích, bể ổn nhiệt...	
80	Xác định khối lượng riêng ở 25 ⁰ C	TCVN 7501:05;AASHTO T228;ASTM D70-03; 22 TCN 279- 01	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế	
81	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504 : 2005;AASHTO T182;	Nhiệt kế, bếp đun	
BỘT KHOÁNG TRONG BTN				

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
82	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, máy lắc sàng ZBSX-92A, tủ sấy 101-2...	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
83	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735:2012		
84	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020		
85	Chỉ số dẻo	TCVN 4197 - 2012		
86	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020		
HIỆN TRƯỜNG				
87	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 8729:2012; AASHTO T204:22; TCVN 12791:2020	Bộ dao đai, cân kỹ thuật...	Vũ Minh Tiến, Vũ Đức Việt, Phạm Ngọc Thao, Nguyễn Ngọc Lâm, Đào Quang Minh Chiến, Nguyễn Công Tuấn
88	Xác định độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006 ;TCVN 8730:2012 ;AASHTO-T191 ;ASTM D1556	Bộ rót cát, cân kỹ thuật...	
89	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11;ASTM E950-98; ASTM E 1082-90(02)	Thước đo độ phẳng JCQ-3	
90	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ đo mô đun nền đường bằng tấm ép cứng	
91	XĐ mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11;AASHTO T256-77; ASTM D4685-96	Cần Benkelman	
92	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011;ASTM E 965-96	Bộ rắc cát	
93	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở	Nguyễn Văn Duy
94	Xác định chỉ số CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429 BS 1377 part 9 - 4.3	Bộ CBR hiện trường, đồng hồ chuyển vị	Vũ Đức Việt, Phạm Ngọc Thao, Nguyễn Ngọc Lâm, Nguyễn Công Tuấn
95	Xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012	Kích thủy lực, đồng hồ chuyển vị...	
96	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12;ASTM C805M-08;ASTM C597-09;EN12504-1:12;JIS A1155:12	Máy siêu âm, súng bật nảy	Nguyễn Văn Duy, Phạm Thị Dàn
97	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, đồng hồ chuyển vị...	Nguyễn Văn Duy, Phạm Ngọc Thao
98	Thí nghiệm cọc bằng pp biến dạng nhỏ (PIT)	ASTM D4945:00;TCVN 9397:12;ASTM D5882:00	Thiết bị đo biến dạng nhỏ PIT GTJ-P800	Nguyễn Văn Duy, Phạm Ngọc Thao
99	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12	Thiết bị siêu âm định vị cốt thép (HC-GY31)	Nguyễn Văn Duy, Phạm Thị Dàn
100	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12	Súng bật nảy	Phạm Thị Dàn

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
101	Kiểm tra kích thước, thử tải, chống thấm ống công bê tông cốt thép và công hợp BTCT	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012	Kích thủy lực, thước căn lá	Vũ Đức Việt, Phạm Ngọc Thao, Nguyễn Ngọc Lâm, Nguyễn Công Tuấn
102	Cọc bê tông li tâm ứng lực trước: kiểm tra kích thước, độ bền uốn nứt thân cọc, độ bền uốn gãy thân cọc, độ bền cắt thân cọc, độ bền uốn mối nối cọc	TCVN 7888:08; JIS A5335	Kích thủy lực, thước căn lá	Nguyễn Văn Duy, Phạm Ngọc Thao
103	Kiểm tra sức chịu tải của neo và bu lông trong bê tông	BS 1881-207:1992	Kích thủy lực và đồng hồ đo	Nguyễn Văn Duy, Vũ Đức Việt, Phạm Ngọc Thao, Nguyễn Ngọc Lâm, Nguyễn Công Tuấn
104	Thí nghiệm chịu lực gối công bê tông	TCVN 10799:2015	Kích thủy lực và đồng hồ đo	Nguyễn Văn Duy, Phạm Thị Dàn
105	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012	Máy siêu âm bê tông	Nguyễn Văn Duy, Phạm Thị Dàn
106	Cọc – Thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945 - 00	Máy PDA	Nguyễn Văn Duy
107	Kiểm tra bê tông cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:12	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	Nguyễn Văn Duy
DUNG DỊCH BENTONITE				
108	Xác định khối lượng riêng, Độ nhớt; Hàm lượng cát; Tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ dày áo của sét; Độ PH; Xác định lực cắt tĩnh; Độ ổn định	TCVN 11893:2017	Bộ thí nghiệm Bentonite, Dụng cụ xác định lực cắt tĩnh Bentonite, Thiết bị đo chiều dày áo sét Bentonite	Nguyễn Văn Duy
DUNG DỊCH POLYME				
109	Xác định khối lượng riêng, Độ nhớt; Hàm lượng cát; Lượng tách nước; Độ dày áo của sét; Độ PH	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Bộ thí nghiệm Bentonite, Thiết bị đo chiều dày áo sét Bentonite	Nguyễn Văn Duy
KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN KIM LOẠI				
110	Thử kéo	TCVN 197-1 : 2014; AASHTO T244 ASTM A370 ; JIS Z 2241:1998 ; GB/T 228-10	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	Vũ Quý Đôn, Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến, Phạm Thị Dàn,
111	Thử uốn	TCVN 198 : 2008; JIS Z 2248:1996; GB/T 232 - 2010;	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN, bộ gối uốn	

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
		ASTM A370		Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Phạm Ngọc Thao, Nguyễn Ngọc Lâm, Đào Quang Minh Chiến, Nguyễn Công Tuấn
112	Kiểm tra đơn trọng thép	TCVN 1651-1:2018 TCVN 1651-2:2018	Cân kỹ thuật, thước lá	
113	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:10;AWS D1.1/D1.1M :10;ASME BPV code:2011 ;JIS Z3040:95	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	
114	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử kéo	TCVN 5403:10;AWS D1.1/D1.1M :10;ASME BPV code:2011 ;JIS Z3040:95 ;AASHTO T68	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	
115	Thử mối nối cốt thép bằng ống nối có ren	TCVN 13711-2:2023 TCVN 7937-1:2013	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	
116	Thử kéo Bu lông – đai ốc trên đệm nghiêng	TCVN 1916:1995;ASTM A370:2002	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	
117	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:87; TCVN 165:88; AWS D1.1:2010;AWS D1.5:2015 ;ASTM E164:03 ;ASME BPV code:2011 ;JIS Z3060:94	Máy siêu âm dò khuyết tật kim loại MFD800C	Vũ Quý Đôn, Vũ Minh Tiến
118	Kiểm tra không phá hủy - PP thẩm thấu	TCVN 4617:88;EN 571:97;ASTM E 165:03	Bộ bình hóa chất thẩm thấu	Nguyễn Văn Duy
119	Kiểm tra không phá hủy - PP dùng bột từ	TCVN 4396:86; EN 1290:98;ASTM E709:01 ASTM E1444:05;AWS D1.1:2010;AWS D1.5:2015;ASME BPV code:2011	Máy dò khuyết tật kim loại bằng từ trường, bộ hóa chất từ tính	Nguyễn Văn Duy
120	Thử tính chất cơ học đối với thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực	TCVN 7937:2013;ASTM A 370: 94; A416:93; TCVN 9391: 2012, TCVN 6288 : 1997	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN, thước kẹp...	Vũ Quý Đôn, Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến, Phạm Thị Dân, Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Phạm Ngọc Thao
121	Kiểm tra chất lượng hàn ống-Thử nén dẹt, nén bẹp ống	TCVN 5402:10;TCVN 1830 : 2008	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	
122	Thép dùng cho bê tông cốt thép- PP thử uốn và uốn lại	TCVN 6287-97	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	
123	Thử độ cứng kim loại	TCVN 256-1:01; TCVN 257-1:01;	Máy thử độ cứng HR-150A	
124	Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của Nhôm (Xác định độ bền kéo; Độ giãn dài tương đối; Dung sai kích thước)	TCVN 197-1:2014	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
125	Xác định chiều dày lớp phủ mạ kẽm, lớp phủ chiều dày sơn, khối lượng mạ kẽm	TCVN 5408-2007, TCVN 2095-93, TCVN 9406:2012, TCVN 7665:2007	Máy đo chiều dày lớp phủ, cân phân tích, hóa chất	
126	Thí nghiệm Nêm, neo, cáp dự ứng lực: thử kéo đồng bộ nêm neo	TCVN 11243:2016	Bộ dụng cụ đồng bộ nêm neo, kích thủy lực, đồng hồ chuyển vị	

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
127	Thí nghiệm cáp dự ứng lực: thử kéo	ASTM A370; ASTM A1061M	Máy thử độ bền kéo nén 1000KN	
128	Thí nghiệm ống gen: kích thước, thử kín khí	ASTM A53; TCVN 2942 : 1993	Thước kẹp	
129	Rọ đá: Khối lượng mạ trên đơn vị diện tích của lớp kẽm; Kích thước, đường kính dây thép mạ và dây thép mạ bọc nhựa; Khối lượng riêng của nhựa bọc; Cường độ chịu kéo, giãn dài; Khả năng chịu lực của liên kết buộc lưới rọ đá	TCVN 10335:2014;ASTM D792;ASTM D412;ASTM D2240;ASTM A975-97	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, thước kẹp, cân kỹ thuật...	
130	Thí nghiệm nắp ga và song chắn rác: kích thước, độ mài mòn, khả năng chịu tải	TCVN 10333:2014, TCVN 3114:2022 BS EN 124:94	Thước kẹp, thước dây, kích thủy lực, bộ khung thử tải, máy mài mòn	
131	Kiểm tra kích thước thép hình	TCVN 7571:2017	Thước kẹp, thước lá	
132	Vật liệu kim loại- ống – thử thủy lực	TCVN 1832 : 2008	Thiết bị thử áp lực HYM-100B	
133	Ống đồng tiết diện tròn: Đo kích thước, Thử kéo	JIS H3300:2018, ASTM B280:2022	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, thước kẹp	
	GẠCH, ĐÁ ỚP LÁT			
134	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016 (ISO 10545-2:1995)	Thước kẹp, thước đo bề mặt...	
135	Xác định độ bền uốn và lực gãy	TCVN 6415-4:2016 (ISO 10545-4:2014)	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
136	Xác định độ hút nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016 (ISO 10545-3:1995)	Cân kỹ thuật, thùng lọc mẫu...	
137	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016 (ISO 10545-6:2010)	Thiết bị mài mòn sâu	
138	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016 (ISO 10545-7:1996)	Máy mài mòn bề mặt gạch ốp lát LM-8	
139	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016 (ISO 10545-9:2013)	Tủ sấy 101-2, bể làm mát	
140	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016 (EN 101:1991)	Bộ dụng cụ vạch độ cứng Mohs	
141	Xác định giãn nở ẩm, giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-10:2016 TCVN 6415-8:2016 (ISO 10545-8,10:1995)	Khung đo giãn nở, lò nung, thùng lọc mẫu...	
142	Xác định độ bền hóa	TCVN 6415-13:2016 (ISO 10545-13:1995)	Dung dịch hóa chất kiểm tra	
143	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2016 (ISO 10545-14:2015)	Dung dịch thử	
144	Xác định độ bền rạn men đối với gạch men	TCVN 6415-11:2016 (ISO 10545-11:1994)	Nồi hấp Autoclave	
145	Đá ốp, lát tự nhiên: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 4732:2016	Thước kẹp, thước lá	
146	Đá ốp, lát tự nhiên: Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016	Máy mài mòn đá tự nhiên SM-4	

Vũ Minh Tiến, Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ

Phạm Thị Dân

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
147	Thí nghiệm đá ốp lát nhân tạo: kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 8057 : 2009	Thước kẹp, thước lá...	
	GẠCH THỦY TINH			
148	Khối lượng thể tích	TCVN 1044:11	Cân kỹ thuật	Phạm Thị Dân
149	Độ bền xung nhiệt	TCVN 1045:88	Lò nung, nhiệt kế đo	
	KEO DÁN GẠCH, CHÍT MẠCH			
150	Xác định cường độ bám dính	TCVN 7899-2:2008	Máy thử cường độ bám dính JW-FZL-M	Vũ Minh Tiến, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Quách Gia Văn
151	Xác định thời gian mở, độ trượt	TCVN 7899-2:2008		
152	Keo chít mạch: cường độ uốn nén, độ hút nước, độ co ngót, độ chịu mài mòn	TCVN 7899-4:2008	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, cân kỹ thuật, khung đo...	
	GẠCH TERAZO			
153	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, cân kỹ thuật, thước kẹp...	Vũ Minh Tiến, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Quách Gia Văn
	GẠCH XÂY			
154	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:2009	Thước kẹp, thước lá	Vũ Minh Tiến, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Quách Gia Văn, Vũ Đức Việt
155	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy thử bền kéo nén 1000KN	
156	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
157	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật	
158	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật	
159	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật	
160	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Bể chứa mẫu	
161	Xác định sự thoát muối gạch xây	TCVN 6355-8:2009	Tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
	GẠCH BÊ TÔNG			
162	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô, Độ thấm nước	TCVN 6477:2016 TCVN 6355-4:2009	Thước lá, thước kẹp Máy thử bền kéo nén 1000KN Cân kỹ thuật Bộ thử thấm nước	Vũ Minh Tiến, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Quách Gia Văn, Vũ Đức Việt
	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
163	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999 TCVN 6355-4:2009 TCVN 6065 : 1995	Thước lá, thước kẹp Máy thử bền kéo nén 1000KN Cân kỹ thuật Máy mài mòn bê tông	
	NƯỚC XÂY DỰNG			
164	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88	Cân phân tích 0.0001g Hóa chất Máy đo PH Cốc, bình thủy tinh	Nguyễn Văn Duy
165	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88		
166	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011		
167	Xác định hàm lượng ion clorua Cl ⁻	TCVN 6194:96		

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên	
168	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄)	TCVN 6200:96	...	Nguyễn Văn Duy	
169	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:78			
170	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012			
171	Xác định vẩn dầu mỡ quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012			
172	Hàm lượng Ca ²⁺	TCVN 6224:96			
173	Hàm lượng Fe	TCVN 6177:96			
	THỬ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM				
174	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:09;ASTM D5199	Dụng cụ đo độ dày vải địa	Vũ Minh Tiên, Vũ Đức Việt, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Phạm Ngọc Thao, Đào Quang Minh Chiến, Nguyễn Công Tuấn	
175	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:09;ASTM D5261	Cân kỹ thuật 0.01g		
176	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:10;ASTM D 4716	Thiết bị thử thấm đứng vải địa FYT		
177	Xác định độ bền kháng thủng bằng phép thử roi côn	TCVN 8484:10;BS 6906/6	Côn xuyên		
178	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:10;ASTM D4595	Máy thử độ bền kéo nén WDW100		
179	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:10;BS EN ISO 12956	Máy lắc sàng, hạt thủy tinh		
180	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:10;ASTM D4491;BS 6906/3	Thiết bị thử thấm đứng vải địa FYT		
181	Xác định cường độ kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:11;ASTM D 4632:08	Máy thử độ bền kéo nén WDW100		
182	Xác định sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:11;ASTM D 4833:07	Máy thử độ bền kéo nén WDW100		
183	Khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-3:11; ASTM D6241; BS6906 part4:97; ISO 12236	Máy thử độ bền kéo nén WDW100		
184	Cường độ kháng xuyên của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-4:11;ASTM D 4833:07	Máy thử độ bền kéo nén WDW100		
185	Tốc độ thoát nước vô lọc dưới các cấp áp lực	TCVN 8483:10;ASTM D 4716	Thiết bị thử thấm vải địa dưới áp lực		
186	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	ASTM D 4751:91;TCVN 8871-6:11	Máy sàng, hạt thủy tinh		
187	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:11;ASTM D 3786:09	Bộ kháng bụi vải địa		
188	Cường độ xé rách hình thang của vải địa kỹ thuật	ASTM D 1004-09;ASTM D4533;TCVN 8871-2:11	Máy thử độ bền kéo nén WDW100		
189	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	TCVN 9138:2012; ASTM D 2256:10	Máy thử độ bền kéo nén WDW100		
190	Thí nghiệm lưới địa kỹ thuật: kéo đứt,giãn dài, kích thước lỗ	ASTM D6637: 2015	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, thước kẹp		
	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG				

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
191	Xác định độ pH; Xác định tỷ trọng; Xác định hàm lượng chất khô; Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước và ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông và cường độ của bê tông; ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở của bê tông; hàm lượng tro	TCVN 8826:2024; ASTM C494-12; ASTM C1017M-07; AASHTO M194-11	Máy đo PH, quỳ tím, tủ sấy 101-2, máy nén bê tông 2000KN, Khung đo co ngót bê tông, lò nung	Nguyễn Văn Duy
	PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH, TRO BAY CHO BÊ TÔNG			
192	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Duy
193	Xác định lượng sót trên sàng 45 µm	TCVN 8827:2011	Máy lắc sàng	
194	Xác định chỉ số hoạt tính đối với xi măng	TCVN 8827:2011	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, máy trộn vữa	
195	Chỉ số hoạt tính cường độ so với mẫu đối chứng	TCVN 6882:2016	Máy thử độ bền nén bê tông TYA 2000	
196	Lượng nước yêu cầu so với mẫu đối chứng	TCVN 8825:2011	Máy trộn bê tông	
197	Xác định độ nở trong thùng chưng áp (autoclave)	TCVN 8825:2011	Thiết bị đo độ nở xi măng Autoclave	
	KÍNH XÂY DỰNG			
198	Kiểm tra sai lệch chiều dày; Xác định khuyết tật ngoại quan, dung sai chiều dày kính; Xác định độ cong vênh	TCVN 7219:2018; TCVN 7527:2005; TCVN 7364:2004	Thước kẹp, thước đo phẳng, thước lá	Phạm Thị Dần
199	Thử phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013	Búa phá mẫu	
200	Xác định độ bền va đập bằng bi rơi	TCVN 7368 : 2013	Thiết bị thử va đập kính kiểu bi rơi TA-35	
201	Xác định độ bền va đập bằng con lắc	TCVN 7368 : 2013	Thiết bị thử độ bền va đập con lắc TA-36	
202	Xác định độ bền nhiệt (điều kiện ẩm; điều kiện khô)	TCVN 7364 : 2004	Tủ sấy 101-2	
203	Điểm sương	TCVN 8260:2009	Nhiệt kế Apech	
	THÍ NGHIỆM SƠN VÀ LỚP PHỦ			
204	Xác định cường độ bám dính sơn	ASTM D4541	Máy thử cường độ bám dính JW-FZL-M	Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Quách Gia Văn
205	Dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098 : 2007	Con lắc Koenig	
206	Độ bền va đập	TCVN 2100:2007	Thiết bị thử va đập màng sơn	
207	Sơn Epoxy: tính đồng nhất, thời gian sống, khả năng chịu kiềm, chịu xăng, chịu nước muối, hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 9014:2011; TCVN 8792:2011	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, hóa chất...	
	SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG			
208	Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo xác	TCVN 8791:2011	Tủ sấy, máy mài mòn, thiết bị đo chiều dày màng sơn	Nguyễn Xuân Lộc

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	định: Độ bền nhiệt, độ mài mòn, chiều dày màng sơn			Thọ, Quách Gia Văn
	THÍ NGHIỆM SƠN TƯỜNG, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM - SƠN NHỮ TƯỜNG BITUM			
209	Phương pháp xác định màu sắc	TCVN 2102:2008	Tâm thử	
210	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính sử dụng, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn; Xác định độ bền nước của màng sơn; Xác định độ bền kiềm của màng sơn; Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn; Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn; Độ thấm nước	TCVN 8653:2012 TCVN 8652:2012	Thiết bị thử rửa trôi màng sơn REF903 Tủ môi trường HT-HW-225L Dụng cụ thử độ thấm nước	
211	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015	Thước đo độ mịn	
212	Tỉ trọng sơn	ASTM 1475; TCVN 10237-1:2013	Cốc đo tỉ trọng sơn	Nguyễn Xuân Lộc
213	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096:2015	Thiết bị thời gian khô màng sơn	Thọ, Quách Gia Văn
214	Xác định độ bám dính của màng sơn	TCVN 2097:2015	Thiết bị kiểm tra độ bám dính sơn	
215	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993	Cân phân tích	
216	Độ nhớt quy ước	TCVN 2092:2013	Phễu đo độ nhớt	
217	Độ bền uốn	TCVN 2099:2013	Thiết bị uốn màng sơn	
218	Thời gian khô	TCVN 6557:2000	Kính lúp, bộ nén...	
219	Độ chịu nhiệt, ,	TCVN 6557:2000	Tủ sấy 101-2	
220	Độ xuyên nước	TCVN 6557:2000	Ống trụ	
221	Độ bền lâu	TCVN 6557:2000	Thùng lọc mẫu	
222	Xác định hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi VOC	TCVN 10519:2014	Tủ sấy, đĩa đựng mẫu	
	THỬ NGHIỆM BỘT BẢ TƯỜNG			
223	Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính với nền, độ bền nước.	TCVN 7239:2014	Sàng kỹ thuật, bình hút chân không, Vicat, thiết bị đo độ cứng bằng con lắc Koenig, Máy thử cường độ bám dính JW-FZL-M	Nguyễn Văn Duy Quách Gia Văn
	TẨM THẠCH CAO			
224	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1:2023	Thước kẹp, thước đo	
225	Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi	TCVN 8257-2:2023	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
226	Xác định độ kháng nhổ đinh	TCVN 8257-4:2023	Tủ môi trường HT-HW-225L	Nguyễn Văn Duy Quách Gia Văn
227	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
228	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
229	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023	Vòng Cobb, cân kỹ thuật	
230	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023		

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
231	Xác định độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:2023	Tủ môi trường HT-HW-225L Cân kỹ thuật	
232	Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của khung xương thạch cao: cường độ, chịu tải khung xương	ASTM C645:11; ASTM E376:03; ASTM C635/C635M:17	Bộ khung thử tải, đồng hồ chuyển vị	
BĂNG CHẠM NƯỚC PVC				
233	Khối lượng riêng	TCVN 4866:2013	Cân phân tích, bình tỷ trọng	
234	Độ cứng Shore A	TCVN 1595-1:2013	Máy đo độ cứng Shore A	
235	Cường độ chịu kéo, độ giãn dài khi đứt	TCVN 4509:2020	Máy thử độ bền kéo DL-5000N	Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
236	Tỉ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9409-3:2014	Cân phân tích, tủ sấy	
237	Độ bền hóa chất	TCVN 9407: 2014	Cân phân tích, hóa chất	
238	Xác định độ kháng kiềm	TCVN 9407: 2014	Cân phân tích, hóa chất	
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA				
239	Xác định độ va đập của ống nhựa	TCVN 6144:2003	Thiết bị thử va đập	
240	Xác định kích thước ống, độ oval của ống	TCVN 6145 : 2007	Thước kẹp, thước lá	
241	Thử áp suất của ống nhựa	TCVN 6149-1:2007	Thiết bị thử áp lực HYM-100B	
242	Thử độ bền kéo đứt	TCVN 7434-1: 2004	Máy thử độ bền kéo nén	
243	Thử độ bền nén	TCVN 7997:2009 TCVN 8699:2011	Máy thử độ bền kéo nén	Vũ Minh Tiến
244	Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007,	Tủ sấy, thước đo	
245	Độ bền màu, Độ bền hóa học với các dung dịch, Độ bền hóa chất	TCVN 8699:2011	Hóa chất, thùng chứa	
246	Thử thủy tĩnh ống sau khi lắp đặt	TCVN 7972 : 2008	Thiết bị thử áp lực HYM-100B	
247	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011 (ISO 9969:2007)	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
HỆ THỐNG ỐNG DÙNG CHO LẮP ĐẶT CẤP				
248	Thí nghiệm nén	TCVN 7417-1:2010 Mục 10.2	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
249	Thí nghiệm va đập	TCVN 7417-1:2010 Mục 10.3	Thiết bị thử va đập ống điện	Vũ Minh Tiến, Nguyễn Văn Duy
250	Đo độ bền điện môi	TCVN 7417-1:2010 Mục 11.3	Máy đo điện trở cách điện	
251	Điện trở cách điện		Máy kiểm tra an toàn điện	
252	Khả năng chịu nhiệt của ống	TCVN 7417-1:2010 Mục 12	Tủ sấy	

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
253	Thử nghiệm khả năng chống cháy lan của ống	TCVN 7417-1:2010 Mục 13.1.3 TCVN 9900-11-2:2013	Buồng thử cháy	
254	Thử nghiệm khả năng chống cháy lan của phụ kiện ống	TCVN 9900-2-11:2013	Buồng thử cháy bằng sợi dây nóng đỏ	
	VẬT LIỆU CHỐNG THẨM GỐC XIMĂNG - POLYME			
255	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước, Cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt, Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường, Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	BS EN 14891:2007	Máy thử độ bền kéo nén WDW100 Máy đo độ thấm vật liệu HS-6	Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Quách Gia Văn
	VẬT LIỆU EPOXY/POLYME			
256	Cường độ chịu kéo, Mô đun đàn hồi khi kéo, giãn dài, Cường độ chịu uốn, Mô đun đàn hồi khi uốn, Cường độ chịu nén, Mô đun đàn hồi khi nén	ASTM D638	Máy thử độ bền kéo nén WDW100 Gá uốn	Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Quách Gia Văn
	MÀNG HDPE			
257	Chiều dày; tỷ trọng; Cường độ chịu kéo khi đứt; giãn dài khi đứt; Cường độ chịu kéo tại điểm uốn, giãn dài tại điểm uốn; Độ bền xé; Độ bền chọc thủng	ASTM D5199 ; ASTM C1505 ;ASTM D6693; ASTM D1004; ASTM D4833;ASTM D1603; ASTM D792	Máy thử độ bền kéo nén WDW100 Gá uốn, cân kỹ thuật	Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)			
258	Xác định kích thước, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, độ co khô, độ ẩm	TCVN 7959:2011 TCVN 9030:2017	Thước kẹp, thước đo, Máy thử độ bền kéo nén, gá đo co ngót, cân kỹ thuật, tủ sấy	Phạm Thị Dân, Nguyễn Xuân Lộc
259	Tầm tường: sai lệch kích thước, ngoại quan và khuyết tật, khối lượng thể tích, chịu nén, chịu uốn, độ ẩm, co khô	TCVN 12868 : 2020	Thước kẹp, thước đo, Máy thử độ bền kéo nén, gá đo co ngót, cân kỹ thuật	Thọ, Vũ Minh Tiến
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP			
260	Xác định kích thước, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, độ co khô, độ hút nước	TCVN 9030:2017	Thước kẹp, thước đo, Máy thử độ bền kéo nén, gá đo co ngót, cân kỹ thuật	Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
	THỬ NGHIỆM NGÓI LỘP			
261	Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng trên 1m2 ngói bão hòa	TCVN 4313:2023	Máy thử độ bền kéo nén WDW100 Cân kỹ thuật	Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
	VẬT LIỆU GỖ TỰ NHIÊN			
262	Đo kích thước	TCVN 7490:2005	Cân kỹ thuật, thước kẹp	Nguyễn Văn Duy,
263	Xác định độ ẩm	TCVN 13707-1:2023		

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
264	Khối lượng thể tích	TCVN 13707-2:2023		Quách Gia Văn
265	Xác định độ bền khi uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023	Máy thử độ bền kéo nén WDW100 Thước kẹp	
266	Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh	TCVN 13707-4:2023		
267	Giới hạn bền nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023		
268	Giới hạn bền kéo song song với thớ	TCVN 13707-6:2023		
269	Giới hạn bền kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-7:2023		
270	Xác định độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-13:2023	Tủ sấy, thước kẹp, khung đo	Nguyễn Văn Duy, Quách Gia Văn
271	Xác định độ co rút thể tích	TCVN 13707-14:2023	Tủ sấy, thước kẹp, khung đo	
272	Xác định độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-15:2023		
273	Xác định độ giãn nở thể tích	TCVN 13707-16:2023		
	VẬT LIỆU GỖ NHÂN TẠO			
274	Xác định chỉ tiêu gỗ nhân tạo: Kích thước, độ vuông góc và thẳng cạnh, độ ẩm	TCVN 11904:2017	Thước kẹp, thước vuông góc, thước đo	Nguyễn Văn Duy, Quách Gia Văn
275	Xác định khối lượng riêng của gỗ	TCVN 5694:2014 (ISO 9427:2003)	Cân kỹ thuật, thước kẹp	
276	Xác định độ thay đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm	TCVN 10311 : 2015	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ môi trường	
277	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước	TCVN 12445:2018	Thước kẹp	
278	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh	TCVN 12446:2018	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, thước kẹp, thùng nước	
279	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018		
280	Xác định độ bền ẩm	TCVN 7756-8 : 2007		
281	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017		
282	Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán	TCVN 7756-9 : 2007		
283	Xác định lực bám đinh vít	TCVN 11907:2017		
284	Tấm compact và aluminium: Xác định kích thước, độ bền kéo nén, độ bền va đập, độ bền nhiệt	ASTM D1621:00;ASTM 5628:96;ISO 4586-2:04	Thước kẹp, máy thử độ bền kéo nén WDW100, thiết bị va đập, tủ sấy	
285	Thay đổi kích thước khi tăng nhiệt độ	TCVN 11352:2016		
286	Ngâm và tách lớp, Thử nghiệm nhiệt độ cao thấp theo chu kỳ	TCVN 11204:2015	Tủ sấy, tủ môi trường, thước kẹp, bể ổn nhiệt	
	CÁP CÁCH ĐIỆN BẰNG POLYVINYL CLORUA CÓ ĐIỆN ÁP DANH ĐỊNH MỨC ĐẾN VÀ BẰNG 450/750V			
287	Đo chiều dày cách điện	TCVN 6610-2:2007 (mục 1.9) TCVN 6614-1-1 : 2008 (mục 8.1)	Kính hiển vi đo lường	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Giang Tùng
288	Đo điện trở ruột dẫn	TCVN 6610-2:2007 (mục 2.1)	Cầu đo điện trở một chiều	
289	Đo điện trở cách điện	TCVN 6610-2:2007 (mục 2.4)	Máy Đo điện trở cách điện	

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên	
290	Thử nghiệm điện áp trên cáp hoàn chỉnh	TCVN 6610-2:2007 (mục 2.2)	Máy đo độ bền cách điện		
291	Thử nghiệm cháy lan theo chiều thẳng đứng đối với một dây có cách điện hoặc một cáp	TCVN 6613-1-2:2010	Buồng thử cháy		
VẬT LIỆU CÁCH ĐIỆN VÀ VẬT LIỆU LÀM VỎ BỌC CHO CÁP ĐIỆN VÀ CÁP QUANG					
292	Đo chiều dày và kích thước ngoài + Đo chiều dày cách điện + Đo chiều dày vỏ bọc phi kim loại + Đo kích thước ngoài	TCVN 6614-1-1:2008 (mục 8)	Kính hiển vi đo lường	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Giang Tùng	
293	Thử cơ tính của hợp chất cách điện và hợp chất dùng làm vỏ bọc	TCVN 6614-1-1:2008 (mục 9) IEC 60811-501:2012+AMD1:2018+A MD2:2023 CSV	Máy thí nghiệm kéo đa năng Model: DL-5000N, tủ sấy Cân điện tử		
294	Thử cơ ngót đối với cách điện và vỏ bọc PE	TCVN 6614-1-3:2008 (mục 10, 11)	Thước kẹp, tủ sấy		
295	Đo tổn thất khối lượng cho PVC cách điện và vỏ bọc	IEC 60811-409:2012	Tủ sấy Cân điện tử		
296	Thử sốc nhiệt cho cách điện và vỏ bọc	TCVN 5936:1995 mục 10.2	Tủ sấy Cân điện tử		
CÁP ĐIỆN VẠN XOẮN CÁCH ĐIỆN BẰNG XLPE ĐIỆN ÁP LÀM VIỆC ĐẾN 0,6/1 KV					
297	Đo kích thước: + Đo chiều dày cách điện + Đo đường kính ruột dẫn + Đo đường kính lõi cáp	TCVN 6447:1998 TCVN 5936:1995 (mục 4)	Kính hiển vi đo lường	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Giang Tùng	
298	Đo điện trở cách điện	TCVN 6447:1998 TCVN 9535-1:2013 (IEC 60502-1:2009)	Máy đo điện trở cách điện		
299	Đo điện trở 1 chiều ruột dẫn ở 20oC	TCVN 6612:2017	Cầu đo điện trở một chiều		
300	Thử độ bền cơ học của cách điện trước và sau lão hoá: + Thử kéo	TCVN 5936:1995 (5.1.7)	Máy thí nghiệm kéo đa năng Model: DL-5000N		
CÁP TRẦN TRÊN KHÔNG					
301	Kiểm tra kết cấu: + Số sợi + Số lớp xoắn, chiều xoắn của lớp ngoài cùng)	TCVN 6483:1999 (IEC 1089:1991)	Kính hiển vi đo lường Thước kẹp		
302	Đo đường kính của sợi dẫn	TCVN 6483:1999 (IEC 1089:1991)	Máy thí nghiệm kéo đa năng		
303	Xác định tỉ số bước xoắn	TCVN 6483:1999	Thước kẹp		

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
		(IEC 1089:1991)		
	CÁP ĐIỆN CÓ CÁCH ĐIỆN DẠNG ĐÙN ĐIỆN ÁP DANH ĐỊNH 1 KV (U M= 1,2 KV) VÀ 3 KV (UM= 3,6 KV)			
304	Đo chiều dày vỏ bọc và cách điện	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2004)	Thước kẹp	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Giang Tùng
305	Đo điện trở cách điện	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2004)	Máy đo điện trở cách điện	
306	Thử độ bền điện áp tần số công nghiệp	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2004) IEC 60502-1:2021	Máy đo độ bền cách điện	
	CÁP ĐIỆN CÓ CÁCH ĐIỆN DẠNG ĐÙN ĐIỆN ÁP DANH ĐỊNH TỪ 6 KV (UM = 7,2 KV) ĐẾN 30 KV (UM=36 KV)			
307	Đo chiều dày vỏ bọc và cách điện	TCVN 5935-2:2013 (IEC 60502-2:2004)	Thước kẹp	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Giang Tùng
308	Đo điện trở ruột dẫn	TCVN 6612:2007	Máy đo điện trở cách điện	
	TÂM COMPOSITE			
309	Xác định khối lượng riêng, độ bền kéo, nén	ASTM D1505, TCVN 4501:2014, ASTM 638-02, ASTM 695-02	Cân kỹ thuật, cân phân tích Máy thử độ bền kéo nén WDW100	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
	VẬT LIỆU SIKA			
310	Độ cứng shore A	ASTM C661	Thiết bị đo độ cứng Shore A	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
311	Cường độ chịu nén	ASTM C 349	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
312	Cường độ chịu uốn	ASTM C 348		
313	Độ trương nở thể tích sau 240h, Trọng lượng riêng	ASTM D71, ASTM D471	Cân phân tích	
314	Thanh chèn khe: khối lượng riêng; Độ hấp thụ nước	ASTM D1622; ASTM C1016	Cân phân tích, cân kỹ thuật	
	CAO SU, CAO SU LƯU HÓA VÀ CHẤT ĐÀN HỒI DỄ			
315	Thí nghiệm cường độ kéo căng, độ co giãn,	ASTM D412	Máy thí nghiệm kéo đa năng Model: DL-5000N	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Xuân Lộc Thọ, Vũ Minh Tiến
316	Khối lượng riêng	TCVN 4866:2013	Cân kỹ thuật	
317	Thử già hóa và độ chịu nhiệt	TCVN 2229 : 2013	Tủ sấy, cân phân tích	
	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM - SƠN BITUM CAO SU, MÀNG CHỐNG THẤM			
318	Phương pháp xác định thời gian khô, độ bám dính của màng sơn trên nền bê tông	TCVN 6557 : 2000; ASTM D7234-12	Bộ xác định thời gian khô Máy thử cường độ bám dính JW-FZL-M	Nguyễn Văn Duy, Quách Gia Văn

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
319	Xác định độ kéo, độ giãn dài	ASTM D6693; EN 12311, ASTM D1004	Máy thí nghiệm kéo đa năng Model: DL-5000N	
320	Xác định tỷ trọng	ASTM D1505	Cân kỹ thuật	
321	Xác định khả năng tạo cầu vết nứt	ASTM C1305	Bộ kéo tạo cầu	
322	Xác định khả năng chịu áp lực thủy tĩnh	ASTM D5385	Bộ thí nghiệm áp lực thủy tĩnh	
	TẮM TRÁI CHỐNG THẨM TRÊN CƠ SỞ BITUM BIÊN TÍNH			
323	Tải trọng kéo đứt ngang khô, dọc khô, độ giãn dài, độ bền nhiệt, độ bền chọc thủng động, độ bền mối nối; khả năng chống đâm thủng; Độ bền kháng tách mối nối chồng	TCVN 9067:2012; JIS A6013:1996; ASTM D5635-04a; ASTM E154; ASTM D1876; ASTM D903	Máy thí nghiệm kéo đa năng Model: DL-5000N Thiết bị đo độ bền chọc thủng động, tủ sấy	Nguyễn Văn Duy, Quách Gia Văn
	XỈ LÒ CAO NGHIÊN MỊN			
324	Khối lượng riêng, Bề mặt riêng, chỉ số hoạt tính cường độ, tỷ lệ độ lưu động, độ ẩm, mất khi nung	TCVN 4030:2003; TCVN 8265:2009 TCVN 11586:2016	Cân kỹ thuật, bộ xác định bề mặt Blaine, máy trộn vữa, tủ sấy, bộ lưu động vữa	Nguyễn Văn Duy
	THỬ VẬT LIỆU CÁCH NHIỆT			
325	Xác định kích thước	TCVN 7950:2008	Thước kẹp, thước đo	
326	Xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường	TCVN 7949-1 : 2008	Máy thí nghiệm kéo nén đa năng	Nguyễn Văn Duy
327	Xác định độ bền uốn	TCVN 7950:2008		
328	Xác định Khối lượng thể tích và độ xốp thực	TCVN 7949-2 : 2008	Thước kẹp, thước đo, cân kỹ thuật	
	TẮM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG			
329	Xác định khuyết tật ngoại quan, lực uốn gãy, khối lượng thể tích, thời gian xuyên nước	TCVN 4435:2000	Thước kẹp, thước đo Máy thí nghiệm kéo nén đa năng, dụng cụ xuyên nước	Nguyễn Văn Duy
	HỆ CHẤT KẾT DÍNH GÓC NHỰA EPOXY CHO BÊ TÔNG			
330	Độ chảy sệ	TCVN 7952-2:2008	Dụng cụ tạo mẫu, thước kẹp, cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Xuân Lộc Thọ
331	Thời gian tạo gel	TCVN 7952-3:2008		
332	Cường độ dính kết	TCVN 7952-4:2008	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
333	Độ hấp thụ nước sau 24 giờ	TCVN 7952-5:2008	Cân kỹ thuật	
334	Hệ số co ngót sau khi đóng rắn	TCVN 7952-8:2008	Gá đo co ngót	
335	Cường độ chịu nén ở điểm chảy, Modul đàn hồi khi nén ở điểm chảy	TCVN 7952-9:2008	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
336	Cường độ chịu kéo, độ giãn dài khi đứt ở 7 ngày	TCVN 7952-10:2008		
337	Cường độ liên kết	TCVN 7952-11:2008		
	SILICON XÂM KHE CHO KẾT CẤU XÂY DỰNG			

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
338	Xác định độ chảy	TCVN 8267-1:2009	Khuôn thử, tủ sấy, cân kỹ thuật, thước đo...	Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Xuân Lộc Thọ
339	Xác định độ cứng	TCVN 8267-3:2009	Thiết bị đo độ cứng Shore A	
340	Xác định ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến tổn hao khối lượng	TCVN 8267-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, khuôn mẫu	
341	Xác định thời gian không dính bề mặt	TCVN 8267-5:2009	Quả cân, cân kỹ thuật, thước đo...	
342	Xác định cường độ bám dính		Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
SỢI THỦY TINH				
343	Xác định độ ẩm	TCVN 7739-1:2007	Tủ sấy, cân phân tích	Nguyễn Văn Duy
344	Xác định khối lượng dài	TCVN 7739-2:2007		
345	Xác định hàm lượng chất kết dính	TCVN 7739-3:2007		
346	Xác định lực kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 7739-6:2007		
VẬT LIỆU CHỐNG THÂM - TẤM CPE				
347	Xác định độ dày	TCVN 9409-1:2014	Thiết bị đo độ dày	Nguyễn Văn Duy, Quách Gia Văn
348	Xác định độ bền bóc tách của mối dán	TCVN 9409-2:2014	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
349	Xác định tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70°C	TCVN 9409-3:2014	Cân phân tích, tủ sấy, bình chứa	
350	Xác định độ bền trong môi trường hoá chất	TCVN 9409-5:2014	Cân phân tích, tủ sấy, bình chứa, hóa chất	
CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM				
351	Xác định kích thước, mức sai lệch cho phép; kiểm tra ngoại quan và khuyết tật	TCVN 5847:2016; JIS A5309-1995	Thước kẹp, thước đo	Nguyễn Văn Duy, Phạm Ngọc Thao
BÓ VĨA BÊ TÔNG				
352	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015	Thước kẹp, thước đo, máy kéo nén 1000KN	Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến
FOAM XÓP				
353	Xác định kích thước, tỷ trọng	ASTM D1667	Thước kẹp, thước đo, cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến
354	Khối lượng thể tích	ASTM D1622	Cân kỹ thuật	
355	Cường độ chịu nén	ASTM D1621	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
356	Độ hấp thụ nước	ASTM C272	Cân kỹ thuật	
SẢN PHẨM NHỰA, GỖ NHỰA				

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
357	Độ hấp thụ nước của nhựa	ASTM D570	Tủ sấy, cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Duy, Quách Gia Văn
358	Cường độ chịu kéo của nhựa	ASTM D638	Thước kẹp, thước đo, Máy thử độ bền kéo nén WDW100	
359	Mật độ và tỷ trọng riêng	ASTM D792	Cân phân tích	
	TÂM XI MĂNG SỢI			
360	Xác định kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, cường độ chịu uốn, khối lượng thể tích biểu kiến, độ co giãn ẩm, độ bền chu kỳ nóng lạnh, khả năng chống thấm nước, độ bền nước nóng, độ bền băng giá, độ bền mưa nắng	TCVN 8259:2009	Máy thử độ bền kéo nén WDW100, tủ sấy, thước kẹp, Cân kỹ thuật...	Nguyễn Văn Duy, Vũ Minh Tiến, Nguyễn Xuân Lộc Thọ

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

3 – Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng

STT	Tên thiết bị	Số Serial máy	Số lượng
1	Áp kế thử áp lực ống nước	-	01
2	Áp kế của thiết bị đo độ nở xi măng Autoclave	HC74582219819	01
3	Áp kế của thiết bị đo độ nở xi măng Autoclave	HC74581225675	01
4	Áp kế máy thử thấm bê tông HS-40		03
5	Áp kế(Thiết bị đo chiều dày áo sét Bentonite)	-	01
6	Áp kế(YZF-2A)	5031901982	01
7	Bể ổn nhiệt marshall	-	01
8	Bộ thí nghiệm lực cắt tĩnh Bentonite ANY-1	8134.26	01
9	Bộ tỷ diện xi măng Blaine DBT-127	250928	01
10	Bộ xuyên thời gian đông kết bê tông HG-80S	200864	01
11	Cần Benkelman	-	01
12	Cân đĩa 15kg Vibra	-	01
13	Cân đĩa 20kg	170613033	01
14	Cân đĩa ALC-15A	58822081414	01
15	Cân đĩa điện tử	2025523833	01
16	Cân đĩa điện tử GS-ALC15	20255823035	01
17	Cân đĩa điện tử GS - 3202N	2022095112	01
18	Cân đĩa điện tử GS-ALC15 - (QUẢNG NINH)	20255823041	01
19	Cân điện tử (ALC-30)	BPS21053037	01
20	Cân điện tử ALC-15	18033968	01

21	Cân điện tử GS-3202N	5882413261	01
22	Cân điện tử hiển thị số 0,0001g(PR224/E)	C011136694	01
23	Cân điện tử JM-A5002	81	01
24	Con lắc Koenig QHD	-	01
25	Cung lực 30 KN	187766	01
26	Đồng hồ đo áp suất	ZL24103136	01
27	Đồng hồ đo áp suất 60MPa	1703028223	01
28	Đồng hồ đo áp suất 60MPa	1703045523	01
29	Đồng hồ đo áp suất 60MPa	1703040223	01
30	Đồng hồ so (0-50)mm	8512000	01
31	Đồng hồ so (0-50)mm	8511916	01
32	Đồng hồ so (0-50)mm	8510862	01
33	Đồng hồ so (0-50)mm	8510702	01
34	Đồng hồ so (0-50)mm	7609534	01
35	Đồng hồ so (0-50)mm	8510870	01
36	Đồng hồ so (Cơ)	8510802	01
37	Đồng hồ so 0-10mm	219110	01
38	Đồng hồ so 0-10mm	211176	01
39	Dụng cụ Vicat	-	01
40	Dụng cụ xác định lực cắt tĩnh Bentonite	-	01
41	Kích 32 tấn	22047184023	01
42	Kích thủy lực	22568	01
43	Kích thủy lực 1500KN	ZL2410313E	01
44	Kích thủy lực 300KN và đồng hồ đo	180418	01
45	Kích thủy lực FCY-150150 150 tấn	C011136694	01
46	Kích thủy lực KN400 tấn	181228	01
47	Kích thủy lực KN400 tấn-150	190276	01
48	Kích thủy lực và đồng hồ áp suất KN400 -150	1812118	01
49	Kích thủy lực và đồng hồ đo áp suất	267072481	01
50	Lò nung SX2-4-10	35074	01
51	Máy chiết nhựa ly tâm	KBB02A1803054AA	01
52	Máy đầm marshall MZ-IJ	20230913	01
53	Máy đầm proctor DJY-III	18078	01
54	Máy đầm proctor tự động JZ -2D - (Hiện trường)	G25H0625	01
55	Máy đo chiều dày lớp phủ	1193183	01
56	Máy đo điện trở	E8222529	01
57	Máy đo độ cứng Shore A	-	01
58	Máy đo độ thấm vật liệu HS-6	24005	01
59	Máy dò khuyết tật kim loại bằng từ trường	3577K	01
60	Máy lắc sàng ZBSX-92A	181009	01
61	Máy lắc sàng ZBSX-92A(Hiện trường)	256005	01
62	Máy mài mòn bề mặt bê tông	-	01

63	Máy mài mòn bề mặt gạch ốp lát LM-8	19016	01
64	Máy mài mòn đá tự nhiên SM-4	202210	01
65	Máy mài mòn Los Angeles MH-II	-	01
66	Máy siêu âm dò khuyết tật kim loại MFD800C	FD 18041701	01
67	Máy thử bền kéo nén WEW-1000	CY20220419	01
68	Máy thử cường độ bám dính JW-FZL-M	240612	01
69	Máy thử độ bền kéo DL-5000N	231215	01
70	Máy thử độ bền kéo nén uốn WA-1000B - (QUẢNG NINH)	2509268	01
71	Máy thử độ bền kéo nén WA-1000B	1810295	01
72	Máy thử độ bền kéo nén WA-1000B(CT - IDJ)	1903308	01
73	Máy thử độ bền kéo nén WDW100	20022120-2	01
74	Máy thử độ bền nén bê tông 2000KN	023	01
75	Máy thử độ bền nén bê tông TYA 2000	1905675	01
76	Máy thử độ bền nén bê tông TYA 2000	2503478	01
77	Máy thử độ bền nén bê tông TYA 2000	2505966	01
78	Máy thử độ bền nén bê tông TYA 2000 - (CT IDJ) sai tên TYE	060	01
79	Máy thử độ bền nén bê tông TYE - 2000 Văn Phòng	50	01
80	Máy thử độ bền nén bê tông TYE -2000 - (CT HANDONG)	47	01
81	Máy thử độ bền nén bê tông TYE-2000KN	026	01
82	Máy thử độ bền nén TYA-3000-(QUẢNG NINH)	2207990	01
83	Máy thử độ cứng HR-150A	CY20220503	01
84	Máy trộn vữa xi măng JJ-5	18649	01
85	Máy trộn vữa xi măng JJ-5	2010	01
86	Nhiệt kế chỉ thị kim	-	01
87	Nhiệt kế chỉ thị số của tủ môi trường HT-HW-225L	DC2025610	01
88	Nhiệt kế đo điểm sương kính APECH305	-	01
89	Súng bột nảy bê tông HT-225	-	01
90	Thiết bị bóc cháy nhựa đường	-	01
91	Thiết bị đo biến dạng nhỏ PIT GTJ-P800	19278	01
92	Thiết bị đo độ bền chọc thủng động	COZY-05	01
93	Thiết bị đo độ bền chọc thủng động (thời gian khô màng sơn)	COZY-04	01
94	Thiết bị đo độ hóa mềm nhựa đường SYD-2806E	-	01
95	Thiết bị đo giãn dài nhựa đường SY-15	111224	01
96	Thiết bị kiểm tra độ bám dính sơn	8131.26	01
97	Thiết bị kim lún nhựa SZR-5	KAP02B1803046AA	01

98	Thiết bị siêu âm định vị cốt thép (HC-GY31)	20224121207	01
99	Thiết bị thử áp lực HYM-100B	-	01
100	Thiết bị thử cường độ bê tông ALPHA-700.ĐX	B00503	01
101	Thiết bị thử độ bền va đập con lắc TA-36	203610	01
102	Thiết bị thử kính đa năng WP4500	-	01
103	Thiết bị thử rửa trôi màng sơn REF903	200112	01
104	Thiết bị thử thấm đứng vải địa FYT	COZY-03	01
105	Thiết bị thử va đập kính kiểu bi rơi TA-35	203510	01
106	Thiết bị thử va đập màng sơn	COZY-02	01
107	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande	-	01
108	Thùng trộn bê tông nhựa nóng (LHBH-20)	V-Z-HT- 000932507003	01
109	Thuốc cấp điện tử CD-8	B17433064	01
110	Thuốc đo độ mịn màng sơn (0-100 μ)	-	01
111	Thuốc đo độ mịn màng sơn (0-50 μ)	-	01
112	Thuốc đo độ mịn màng sơn (0-50 μ)	-	01
113	Thuốc đo độ phẳng JCQ-3	-	01
114	Thuốc Panme	-	01
115	Tủ dưỡng hộ mẫu SHBY-40B	0971	01
116	Tủ sấy 101-2	3413	01
117	Tủ sấy 101-2	05142	01
118	Tủ sấy 101-2A	19968	01
119	Tủ sấy 101-2A	28824	01
120	Vòng đo Cung lực 60KN	187764	01
121	Vòng đo lực 10 KN	233544	01
122	Nhiệt kế của tủ thí nghiệm đốt cháy cấp điện,cấp quang MC-1000	121	01
123	Nhiệt kế máy kiểm tra dây nóng đỏ ZRS-501	20250528036	01
124	Phương tiện đo điện trở cách điện(Insulation Tester) 3022A	E0198566	01
125	Thiết bị kiểm tra an toàn điện (GPT-9801)	GEX220730	01
126	Đồng hồ đo điện trở nhỏ (DC Milli-Ohm Meter)(GOM-804)	GEZ851415	01
127	Thuốc cấp 300MM	16080543	01
128	Cân điện tử (PR224/E)	C011136694	01
129	Kính lúp chia vạch (ISM-PM40)	1710230460	01
130	Nhiệt kế ẩm(TT-513)	17-011225-01	01
131	Nhiệt kế ẩm(TT-513)	17-011225-02	01
132	Cốc Gooch	-	01
133	Bộ quay kiểm tra tổn thất nhựa	-	01
134	Máy trộn Bê tông	-	01

135	Máy khoan lõi Bê tông	-	01
136	Thiết bị thử thời gian đông kết bê tông	-	01
137	Máy mài mòn Losangeles	-	01
138	Bộ xilanh nén đập D150, D75	-	02
139	Bộ sàng tiêu chuẩn	-	02
140	Khuôn đúc mẫu các loại	-	60
141	Máy trộn vữa xi măng	-	01
142	Máy dẫn tạo mẫu xi măng	-	01
143	Bộ ống đông thể tích bằng thép, thủy tinh các loại	-	15
144	Khuôn CBR	-	09
145	Thiết bị xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	-	04
146	Thiết bị xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp dao vòng	-	03
147	Máy khoan lõi Bê tông nhựa	-	01
148	Khung thử tải khung xương thạch cao	-	01
149	Bộ gối uốn gỗ và gạch các loại	-	01
150	Thiết bị đo độ cứng gạch men	-	01

4 – Danh sách nhân sự


Stt	Họ tên	Chức danh	Chứng chỉ đào tạo
1	Vũ Quý Đôn	Trưởng Phòng thí nghiệm	Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017
			Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông
			Technical Equipments And Solutions Certificate (Chứng chỉ siêu âm)
			Phương pháp thử các tính chất cơ – lý của Vật liệu kim loại và Liên kết hàn
2	Nguyễn Văn Duy	Phó Phòng thí nghiệm	Thí nghiệm Vữa, bê tông xi măng và Vật liệu chế tạo
			Phương pháp xác định tính chất hóa học của Vật liệu xây dựng
			Thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ – lý của: Bê tông, Đất, Cát và Đá
			Phương pháp xác định tính chất cơ – lý của Bê tông nhựa và Vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường
			Thí nghiệm dây dẫn điện và Phương pháp đo điện trở tiếp địa

	Nguyễn Văn Duy	Phó Phòng thí nghiệm	Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng theo TCVN ISO/IEC 17025:2017
			Chứng chỉ thẩm thấu mỗi hàn
			Chứng chỉ từ tính mỗi hàn
			Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc
3	Phạm Ngọc Thao	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông
			Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc
4	Vũ Minh Tiến	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông
			Technical Equipments And Solutions Certificate (Chứng chỉ siêu âm)
			Thí nghiệm, kiểm định ống và phụ tùng cấp và thoát nước bằng chất dẻo
5	Phạm Thị Dần	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm viên Xây dựng công trình giao thông
			Thí nghiệm, kiểm định vật liệu công trình giao thông
			Thí nghiệm, kiểm định sản phẩm kính xây dựng, gạch gốm ốp lát, đá ốp lát, sứ vệ sinh
6	Vũ Đức Việt		Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông
7	Nguyễn Xuân Lộc Thọ	Thí nghiệm viên	Đào tạo lớp Thí nghiệm viên ngắn hạn.
			Quản lý Phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017
8	Nguyễn Công Tuấn	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm, kiểm định vật liệu công trình giao thông
9	Đào Quang Minh Chiến	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm, kiểm định vật liệu công trình giao thông
10	Quách Gia Văn	Thí nghiệm viên	Thí nghiệm, kiểm định sơn, vữa, thạch cao, tấm sợi xi măng, ván gỗ nhân tạo
11	Nguyễn Ngọc Lâm	Thí nghiệm viên	Đào tạo Thí nghiệm viên giao thông
12	Nguyễn Giang Tùng	Giám đốc	Thí nghiệm dây dẫn điện và Phương pháp đo điện trở tiếp địa


Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Quy hoạch Xây dựng COZY kính báo cáo Sở Xây dựng Hải Phòng, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng được biết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin trên./.

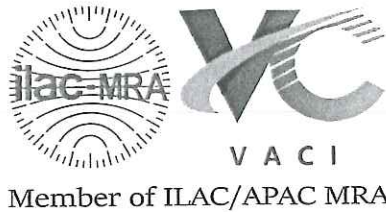
Nơi nhận:

- Sở XD Hải Phòng;
- Các nhà thầu tham gia hoạt động XD;
- Lưu: VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
QUY HOẠCH XÂY DỰNG COZY


GIÁM ĐỐC
 KỸ SƯ Nguyễn Giang Tùng



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm/Laboratory:

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ QUY HOẠCH XÂY DỰNG COZY**
MATERIAL AND CONSTRUCTION QUALITY TESTING LABORATORY
COZY BUILDING PLANNING DESIGN CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Địa điểm PTN/Lab location:

Số 3/193 Văn Cao, phường Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
No. 3/193 Van Cao street, Hai An ward, Hai Phong city, Vietnam

Đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to conform with the requirements of standard

CHỨNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BAN CHÍNH
Số chứng thực..... 9210.....Quyển số..... 07 SCT/BS

ISO/IEC 17025:2017

Ngày 31 -03- 2026

Lĩnh vực công nhận/Field of Accreditation

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC THỬ NGHIỆM ĐIỆN - ĐIỆN TỬ, CƠ
ELECTRICAL - ELECTRONIC, MECHANICAL TESTING

Phụ lục chi tiết kèm theo QĐ số 280/QĐ-VACI cấp ngày 09/02/2026
(Appendix attached with the Decision No. 280/QĐ-VACI dated 09/02/2026)



VIỆN TRƯỞNG (DIRECTOR)
VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
Nguyễn Anh Tuấn
Phan Minh Hải

Mã số/Accreditation No. **VALAS 203**

Ngày cấp/Date of issue: 09/02/2026

Công nhận lần đầu/Initial accreditation: 09/02/2026

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: 08/02/2031

**VIỆN CÔNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

Số: 280/QĐ-VACI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp chứng chỉ công nhận**

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HTCCLVN ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Hội
Khoa học và Kỹ thuật về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam về việc thành lập Viện
Công nhận Chất lượng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HTCCLVN ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chủ
tịch Hội Khoa học và Kỹ thuật về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam về việc Ban
hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận số 622/GCN-BKHCHN
ngày 6 tháng 12 năm 2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về đăng ký
hoạt động công nhận của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam đối với hoạt động

CHỨNG THỰC BẢN SẠO DỰNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực... 9.209... Quyền số... SCT/BS

Căn cứ kết quả đánh giá và thẩm xét hồ sơ đánh giá.

Ngày 31-03-2026

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Phòng thí nghiệm:

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

**Phòng Thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định Chất lượng Công trình
thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế quy hoạch xây dựng Cozy**

Phù hợp theo yêu cầu Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đối với phạm vi đăng ký Công
nhận cho lĩnh vực Thử nghiệm Điện - Điện tử, Cơ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Phòng thử nghiệm được sử dụng dấu công nhận: VALAS 203.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực vào ngày 08 tháng 02
năm 2031.

Điều 3. Văn phòng, phòng Nghiệp vụ 2, Tổ chức và Phòng thí nghiệm nêu ở Điều 1
chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: P.NV.



CÔNG CHỨNG VIỆT NAM
Nguyễn Anh Tài



Ghi chú: "Phòng Thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định Chất lượng Công trình thuộc Công ty Cổ phần Tư
vấn Thiết kế quy hoạch xây dựng Cozy cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa
thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp
luật trước khi cung cấp dịch vụ này".

Ngày ban hành: 15/11/2023

Lần ban hành: 03

VACI.P7.1.F21



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số 280/QĐ-VACI ngày 09 tháng 02 năm 2026
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định Chất lượng Công trình

Laboratory: Materials and Construction Quality Testing Laboratory

Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế quy hoạch xây dựng Cozy

Holding organization: Cozy Building Planning Design Consultant Joint Stock Company

Lĩnh vực: Thử nghiệm Điện - Điện tử, Cơ

Field: Electrical - Electronic, Mechanical Testing

Người phụ trách/Representative: Vũ Quý Đôn

Người có thẩm quyền ký/Approved signatory:

TT/No	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1.	Nguyễn Giang Tùng	Tất cả các phép thử được công nhận (Giám đốc) All accredited tests (Director)
2.	Vũ Quý Đôn	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
3.	Nguyễn Văn Duy	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests

Số hiệu/Code: VALAS 203

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: 08/02/2031

Địa chỉ trụ sở/Head office address:

Số 3/193 Văn Cao, phường Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

No. 3/193 Van Cao street, Hai An ward, Hai Phong city, Vietnam.

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Laboratory address:

Số 3/193 Văn Cao, phường Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

No. 3/193 Van Cao street, Hai An ward, Hai Phong city, Vietnam.

Số điện thoại/Phone: 0225628 1803

Email: cozyjsc@gmail.com



Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic Testing

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/ Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
1	Cáp cách điện bằng polyvinyl Clorua có điện áp danh định mức đến và bằng 450/750V	Đo chiều dày cách điện	-	TCVN 6610-2:2007 (mục 1.9) TCVN 6614-1-1 : 2008 (mục 8.1)
2		Đo điện trở ruột dẫn	0,1 mΩ / (50 mΩ ÷ 5 MΩ) 1 μA / (10μA ÷ 1A)	TCVN 6610-2:2007 (mục 2.1)
3		Đo điện trở cách điện	1 kΩ / (4 kΩ ÷ 2 GΩ) 10 V / (0,05 ÷ 0,5) kV	TCVN 6610-2:2007 (mục 2.4)
4		Thử nghiệm điện áp trên cáp hoàn chỉnh	0,1 kV / (0,5 ÷ 5) kV 0.1 mA / (10 mA ÷ 40 mA) 0,1 s / (1 ÷ 999.9) s	TCVN 6610-2:2007 (mục 2.2)
5	Cáp điện và cáp quang	Thử nghiệm cháy lan theo chiều thẳng đứng đối với một dây có cách điện hoặc một cáp	Đến 1000°C	TCVN 6613-1-2:2010
6	Vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc cho cáp Điện và Cáp Quang	Đo chiều dày và kích thước ngoài + Đo chiều dày cách điện + Đo chiều dày vỏ bọc phi kim loại + Đo kích thước ngoài	-	TCVN 6614-1-1:2008 (mục 8)
7		Thử cơ tính của hợp chất cách điện và hợp chất dung làm vỏ bọc	-	TCVN 6614-1-1:2008 (mục 9) IEC 60811- 501:2012+AMD1:2018 +AMD2:2023 CSV
8		Thử cơ ngót đối với cách điện và vỏ bọc PE	-	TCVN 6614-1-3:2008 (mục 10, 11)
9		Đo tổn thất khối lượng cho PVC cách điện và vỏ bọc	-	IEC 60811-409:2012

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/ Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
10		Thử sốc nhiệt cho cách điện và vỏ bọc	Đến 150°C	TCVN 5936:1995 mục 10.2
11	Hệ thống ống dùng cho lắp đặt Cáp	Xác định kích thước	-	TCVN 6145:2007 (mục 5)
12		Thí nghiệm nén	Đến 200 kN	TCVN 7417-1:2010 Mục 10.2
13		Thí nghiệm va đập	-	TCVN 7417-1:2010 Mục 10.3
14		Đo độ bền điện môi	0,1 kV / (0,5 ÷ 5) kV 0.1 mA / (10 mA ÷ 40 mA) 0,1 s / (1 ÷ 999.9) s	TCVN 7417-1:2010 Mục 11.3
15		Điện trở cách điện	1 kΩ / (4 kΩ ÷ 2 GΩ) 10 V / (0,05 ÷ 0,5) kV	TCVN 7417-1:2010 Mục 11.3
16		Khả năng chịu nhiệt của ống	Đến 200°C	TCVN 7417-1:2010 Mục 12
17		Thử nghiệm khả năng chống cháy lan của ống	Đến 1000°C	TCVN 7417-1:2010 Mục 13.1.3 TCVN 9900-11-2:2013
18		Thử nghiệm khả năng chống cháy lan của phụ kiện ống	Đến 1000°C	TCVN 9900-11-2:2013
19	Cáp điện vặn xoắn cách điện bằng XLPE điện áp làm việc đến 0,6/1 kV	Đo kích thước: + Đo chiều dày cách điện + Đo đường kính ruột dẫn + Đo đường kính lõi cáp	-	TCVN 6447:1998 TCVN 5936:1995 (mục 4)
20		Đo điện trở cách điện	1 kΩ / (4 kΩ ÷ 2 GΩ) 10 V / (0,05 ÷ 0,5) kV	TCVN 6447:1998 TCVN 9535-1:2013 (IEC 60502-1:2009)
21		Đo điện trở 1 chiều ruột dẫn ở 20oC	0,1 mΩ / (50 mΩ ÷ 5 MΩ) 1 μA / (10μA ÷ 1A)	TCVN 6612:2017
22		Thử độ bền cơ học của cách điện trước và sau lão hoá: + Thử kéo	Đến 5000 N	TCVN 5936:1995 (5.1.7)

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/ Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
23	Cáp trần trên không	Kiểm tra kết cấu: + Số sợi + Số lớp xoắn, chiều xoắn của lớp ngoài cùng)	-	TCVN 6483:1999 (IEC 1089:1991)
24		Đo đường kính của sợi dẫn	-	TCVN 6483:1999 (IEC 1089:1991)
25		Xác định tỉ số bước xoắn	-	TCVN 6483:1999 (IEC 1089:1991)
26	Cáp điện có cách điện dạng đùn điện áp danh định 1 kV ($U_m = 1,2$ kV) và 3 kV ($U_m = 3,6$ kV)	Đo chiều dày vỏ bọc và cách điện	-	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2004)
27		Đo điện trở cách điện	1 k Ω / (4 k $\Omega \div 2$ G Ω) 10 V / (0,05 \div 0,5) kV	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2004)
28		Thử độ bền điện áp tần số công nghiệp	0,1 kV / (0,5 \div 5) kV 0.1 mA / (10 mA \div 40 mA) 0,1 s / (1 \div 999.9) s	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2004) IEC 60502-1:2021
29	Cáp điện có cách điện dạng đùn điện áp danh định từ 6 kV ($U_m = 7,2$ kV) đến 30 kV ($U_m = 36$ kV)	Đo chiều dày vỏ bọc và cách điện	-	TCVN 5935-2:2013 (IEC 60502-2:2004)
30		Đo điện trở ruột dẫn	0,1 m Ω / (50 m $\Omega \div 5$ M Ω) 1 μ A / (10 μ A \div 1A)	TCVN 6612:2007

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical Testing

TT No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ Name of product/material tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
1	Ống nhựa nhiệt dẻo (tiết diện tròn)	Xác định độ va đập bên ngoài	-	TCVN 6144:2003
		Đo kích thước	-	TCVN 6145:2007
		Xác định độ cứng vòng	-	TCVN 8850:2011 (ISO 9969:2007)
2	Ống đồng tiết diện tròn	Đo kích thước	-	JIS H3300:2018 Section 6

TT No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ <i>Name of product/material tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>Specific test name</i>	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ <i>Measuring range/Quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
		Thử kéo	Đến 1000 kN	JIS H3300:2018 Section 7.3 ASTM B280:2022 ASTM E8/E8M-13a
3	Vật liệu kim loại	Thử kéo	Đến 1000 kN	TCVN 197-1:2014; ASTM E8/E8M-13a; ASTM A370 JIS Z 2241:2022; GB/T 228-2010
		Thử uốn	-	TCVN 198 : 2008; ASTM A370 JIS Z 2248:2022; GB/T 232-2010
4	Lớp phủ trên nền vật liệu (Gang, Thép, Sắt)	Xác định khối lượng lớp mạ	-	TCVN 7665:2007
		Chiều dày lớp phủ mạ kẽm nhúng nóng	-	TCVN 5408:2007
		Xác định chiều dày màng sơn khô bằng phương pháp không phá hủy	Đến 500 mm	TCVN 9406:2012
5	Bê tông và bê tông nặng	Xác định cường độ nén của bê tông	Đến 2000 kN	TCVN 3118:2022
6	Xi măng	Xác định độ nở Autoclave xi măng	-	TCVN 8877:2011
7	Đất	Hàm lượng muối hòa tan trong đất	-	Phụ lục D TCVN 9436:2012

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/*Vietnam standard*.

Trường hợp Phòng Thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định Chất lượng Công trình - Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế quy hoạch xây dựng Cozy cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*In case of providing product quality testing services, Materials and Construction Quality Testing Laboratory - Cozy Building Planning Design Consultant Joint Stock Company must register and be granted a certificate of operation registration in accordance with the law before providing this service.*

Số: 120 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Quy hoạch Xây dựng Cozy và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 12/04/2022.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....30211.....Quyển số.....SCT/BS

CHỨNG NHẬN:

Ngày 07/05/2022
1. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Quy hoạch Xây dựng Cozy,
Mã số thuế: 0201903844; Địa chỉ: Số 3/193 đường Văn Cao, phường Đăng Lâm,
quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 3/193 đường Văn Cao, phường Đăng Lâm, quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1803

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế các Giấy chứng nhận số: 792/GCN-BXD ngày 21/11/2018 và 150/GCN-BXD ngày 07/7/2020 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Quy hoạch Xây dựng Cozy;
- Sở XD Hải Phòng;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.



**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



***Vũ Ngọc Anh**

**CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Anh Tài**



DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1803

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 120 /GCN-BXD, ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	CÓT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 2003; ASTM C115; ASTM C188; ASTM C184; AASHTO T133;
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109; ASTM C1074; AASHTO T106; EN 196-1:05; JIS R5201:97
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn(TCVN 6017:1995), thời gian đông kết(TCVN 8875:2012) và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong xi măng(TCVN 8876:2012)	TCVN 6017:1995 ;TCVN 8875:2012 TCVN 8876:2012 ;ASTM C191; ASTM C187; AASHTO T131; JIS R5201:97
	Độ nở sunphat, Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6068:04; TCVN 6070: 2005
	Độ giãn nở Autocalave	TCVN 7711:13 ; TCVN 8877:2011
	Thí nghiệm hàm lượng SO ₃ , hàm lượng mất khi nung, Hàm lượng MgO, Hàm lượng Cặn không tan, Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , BaO, C ₃ A, C ₄ AF + 2C ₃ A	TCVN 141:08
	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat	TCVN 7713 : 2007
	Xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước	TCVN 12003:2018
2	BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93; AASHTO T119; ASTM C143; BS EN 12350-5
	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:93 ; ASTM C138;
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93; AASHTO T121; ASTM C138; BS EN 12350-06
	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:93; AASHTO T158; ASTM C232; BS EN 12350-4; BS EN 480-4; JIS A1123
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93; ASTM D2850-3a, D4767-3a; BS 1377; AASHTO T234
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:93; ASTM C642, C127, C128, C642; BS 1881; BS EN 12390-7
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93; ASTM C642
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93; ASTM C642; ASTM C1585; BS 1881:08; BS 1881-122
	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:93; ASTM C418
	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:93; ASTM C138, C642; AASHTO T121
	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993; BS EN 12390-8; ASTM C1585, C403, T27, T37; DIN 1048
	Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:93; ASTM C157; AASHTO T22
	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:93; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42; EN 12390-3; EN 12504-1; JIS A1107, A1108; AS 1012.9
	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:93; ASTM C293, C78; EN 12390-5; JIS A1114, A1106; AASHTO T97, T177
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:93; ASTM C496
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726: 93
	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:12; ASTM C1064 AASHTO T309
	Xác định hàm lượng ion clo và thâm clo trong bê tông	TCVN 9337-12; AASTM C1152; C1218
	Bê tông nặng - xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9336:2012
3	CÓT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	22 TCN 319- 04; ASTM D6084
	-Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn; Xác định thành phần thạch học; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hong; Xác định độ ẩm; Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn; Độ ổn định thể tích của cốt liệu bằng Natri hoặc Magie sunfat; Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa; Xác định hàm lượng mica; Xác định hàm lượng clorua (Cl ⁻); Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic; Xác định hàm lượng sunfat, sunfit; Xác định hàm lượng hạt đập bị vỡ; Xác định hàm lượng muối Natri clorua (NaCl) trong cốt liệu, Thành phần thạch học	TCVN 7572:2006; ASTM C29, C33, C40, C88, C127, C128, C131, C136, C170, C227, C566; AASHTO T19, T27, T84, T85, T96, T104, T255, T335; EN 933, EN 1097, EN 1744-5, EN 1092-2; BS 812; JIS A1102, A1103, A1104, A1109, A1110, A1111, A1121, A1125, A1126, A1137, A1146, M302
	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D 2419-91
	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn, thô	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304; T326
	Xác định cường độ chịu ép chế	TCVN 8862: 2011
4	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn; Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền; Xác định hàm lượng ion clo hoà tan trong nước; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121:2003; EN 1015, EN 445, EN 12190; ASTM C109, C230, C807, C953, C1102, C1152, C1218, C1398, C1437; TCVN 9080:12
	Khả năng tách nước	ASTM C940-89
	Độ giãn nở của vữa sau 24h	ASTM C940-89
5	THÍ NGHIỆM ĐẤT	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ;AASHTO T100-06(10); ASTM D 854-00
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012;ASTM D2216-10
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; ASTM D4318-00;AASHTO T89-10;AASHTO T90-00(08)
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12;AASHTO T88-10;AASHTO T27-11;ASTM C136-06;ASTM D1140-00;ASTM D422-62(02);JIS A 1204;
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:12;ASTM D3080-98;AASHTO T236
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12;ASTM D2435;ASTM D3877;

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		ASTM D 4546;AASHTO T216;BS 1377:5
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; AASHTO T180-10; 22TCN333:06;ASTM D698-00a;AASHTO T99-10;ASTM D1557-02
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012;ASTM D2937-71
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332- 2006; AASHTO-T193 ;ASTM D1883
	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00;TCVN 8723:2012
	Xác định hàm lượng hữu cơ trong đất	ASTM D2974; BS 1377-3:90
	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333-06
	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12
	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:12
	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12
	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD;CV)	TCVN 8868:11; ASTM D2850-95; ASTM D4767:04;
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01
	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu	TCVN 8862:2011
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm; Phương pháp xác định thành phần hạt; Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Phương pháp xác định độ chảy nhựa; Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát; Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư; Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu; Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:11; AASHTO T245, D6926; ASTM D1559
	NHỰA BITUM	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05;AASHTO T49;ASTM D5-97;22 TCN 279-01
	Xác định độ kéo dài ở 25 ^o C	TCVN 7496:05;AASHTO T51;ASTM D36-00; 22 TCN 279 - 01
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05;AASHTO T53-96;ASTM D36:00
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05;AASHTO T48;ASTM D92-02b
	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ^o C trong 5h	TCVN 7499:05;ASTM D6-00;AASHTO T179
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500: 2005;ASTM D2042
	Xác định khối lượng riêng ở 25 ^o C	TCVN 7501:05;AASHTO T228;ASTM D70-03; 22 TCN 279- 01
	Xác định độ dính bám đôi với đá	TCVN 7504 : 2005;AASHTO T182;
	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05
	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05
	Xác định độ đàn hồi	22 TCN 319- 04
	Xác định độ ổn định lưu trữ	22 TCN 319- 04
	Phương pháp thí nghiệm xác định độ nhớt ở 135 ^o C	ASTM D4402
7	BỘT KHOÁNG TRONG BTN	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Xác định khối lượng riêng; Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước; Xác định độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984 AASHTO T27
8	NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG	
	Hàm lượng nhựa có trong nhũ tương; Độ ổn định khi lưu kho 24h; Độ bám dính với cốt liệu; Độ nhớt Saybolt Furol; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh và phân tách chậm; Xác định hạt quá cỡ; độ khử nhũ; điện tích hạt; thử nghiệm trộn với xi măng; chung cát, khả năng trộn lẫn với nước; khối lượng thể tích; độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817:2011; AASHTO T59; AASHTO T78; ASTM D6930; ASTM D244
9	HIỆN TRƯỜNG	
	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 8729:2012; AASHTO T204; 22 TCN 02-71
	Xác định độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8730:2012; AASHTO-T191; ASTM D1556
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950-98; ASTM E 1082-90(02)
	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	XĐ mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11; AASHTO T256-77; ASTM D4685-96
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E 965-96
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Xác định chỉ số CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429 BS 1377 part 9 - 4.3
	Xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12; ASTM C805M-08; ASTM C597-09; EN12504-1:12; JIS A1155:12
	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Thí nghiệm cọc bằng pp biến dạng nhỏ (PIT)	ASTM D4945:00; TCVN 9397:12; ASTM D5882:00
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12
	Thử tải ống công bê tông cốt thép và công hộp BTCT	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012
	Cọc bê tông li tâm ứng lực trước	TCVN 7888:08; JIS A5335
	Kiểm tra sức chịu tải của neo và bu lông trong bê tông	BS 1881-207:1992
	Kiểm tra bê tông cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:12
	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hố đào, hố khoan	14 TCN 153:06
	Xác định độ thấm nước của đá bằng PP ép nước vào hố khoan	14 TCN 93:91
	Đo chuyển vị ngang của đất nền	ASTM D6230:98
	Thí nghiệm nhỏ cọc bê tông cốt thép	ASTM D3689:9
	Thí nghiệm đẩy ngang cọc bê tông cốt thép	ASTM D3966:90

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355-06;ASTM D2573:94
	Đo áp lực nước lỗ rỗng, lún mặt, lún sâu nền đất	ASTM D4767-5; TCVN8869:11
	Thí nghiệm cường độ vữa ngoài hiện trường	ASTM D805 (PT)
	Cọc – Thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945 - 00
	Kiểm tra áp lực đường ống	TCVN 2942 : 1993;TCVN 6250 : 1997;TCVN 6159 : 1996
	Đo lún công trình, chuyển dịch ngang, độ nghiêng công trình bằng PP trắc địa	TCVN 9360:2012; TCVN 9399: 2012; TCVN 9400:2012; TCVN 8869:2011
	Thí nghiệm chịu lực gối công bê tông	TCVN 10799:2015
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401 : 2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D2586
	Thí nghiệm dính bám của cáp DUL với vữa bơm ống gen	ASTM D981
	Thí nghiệm nén ngang trong hồ khoan	ASTM D4719
10	DUNG DỊCH BENTONITE	
	Xác định khối lượng riêng, Độ nhớt; Hàm lượng cát; Tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ dày áo của sét; Độ PH; Xác định lực cắt tĩnh; Độ ổn định	TCVN 11893:2017
11	KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN KIM LOẠI	
	Thử kéo	TCVN 197 : 2002; AASHTO T244 ASTM A370 ; JIS Z 2241:1998
	Thử uốn	TCVN 198 : 2002; JIS Z 2248:1996
	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:10;AWS D1.1/D1.1M :10;ASME BPV code:2011 ;JIS Z3040:95
	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử kéo	TCVN 5403:10;AWS D1.1/D1.1M :10;ASME BPV code:2011 ;JIS Z3040:95 ;AASHTO T68
	Thử kéo Bu lông – đai ốc trên đệm nghiêng	TCVN 1916:1995;ASTM A370:2002
	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:87; TCVN 165:88; AWS D1.1:2010;AWS D1.5:2015 ;ASTM E164:03 ;ASME BPV code:2011 ;JIS Z3060:94
	Thử nghiệm ống kim loại	ASTM A53
	Kiểm tra không phá hủy - PP thâm thấu	TCVN 4617:88;EN 571:97;ASTM E 165:03
	Thử mối nối cốt thép bằng ống nối có ren	TCVN 8163:2009
	Kiểm tra không phá hủy - PP dùng bột từ	TCVN 4396:86; EN 1290:98;ASTM E709:01 ASTM E1444:05;AWS D1.1:2010;AWS D1.5:2015;ASME BPV code:2011
	Kiểm tra sức chịu tải của nắp hồ ga	BS EN 124:94
	Thử tính chất cơ học đối với thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực	TCVN 7937:2009;ASTM A 370: 94; A416:93; TCVN 9391: 2012, TCVN 6288 : 1997
	Kiểm tra chất lượng hàn ống-Thử nén dẹt, nén bẹp ống	TCVN 5402:10;TCVN 1830 : 2008
	Thép dùng cho bê tông cốt thép- PP thử uốn và uốn lại	TCVN 6287-97
	Thử độ cứng kim loại	TCVN 256-1:01; TCVN 257-1:01
	Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của Nhôm (Xác định độ bền kéo; Độ giãn dài tương đối; Độ cứng; Dạng Profin và dung sai kích thước)	TCXDVN 330-04
	Lực xiết của bu lông cường độ cao	JIS B1186

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định chiều dày lớp phủ mạ kẽm, lớp phủ chiều dày sơn	TCVN 5408-2007, TCVN 2095-93
	Thí nghiệm Nêm, neo, cáp dự ứng lực, thử kéo đồng bộ nêm neo	22 TCN 267-2000;TCVN 10568:2017 TCVN 6284-97;ASTM A370;TCVN 11243:2016
	Cáp dự ứng lực bọc Epoxy: độ bám dính với vỏ bọc, Độ dính bám của cáp với bê tông, thử kéo, Thử chùng ứng suất, Thử tính dẻo, Thử kéo mối, Thử hiệu suất neo	TCVN 10952:2015;ASTM E328; ASTM A416/A416M
	Rọ đá: Khối lượng mạ trên đơn vị diện tích của lớp kẽm; Kích thước, đường kính dây thép mạ và dây thép mạ bọc nhựa; Khối lượng riêng của nhựa bọc; Cường độ chịu kéo, giãn dài; Độ cứng nhựa bọc rọ đá; Khả năng chịu lực của liên kết buộc lưới rọ đá; Khả năng chịu chọc thủng rọ đá; mô đun đàn hồi	TCVN 10335:2014;ASTM D792;ASTM D412;ASTM D2240;ASTM A975-97
	Kiểm tra cốt thép bị ăn mòn bằng phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
	Thí nghiệm nắp và song chắn rác	TCVN 10333:2014
12	GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT	
	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài; Xác định giãn nở âm; Xác định độ bền hóa; Xác định độ bền chống bám bẩn; Xác định hệ số ma sát; Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs; Xác định độ cứng bề mặt; Xác định độ bền rạn men đối với gạch men; Xác định độ bền uốn và lực gãy; Xác định độ hút nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích; Xác định kích thước và chất lượng bề mặt; Độ bền va đập	TCVN 6415:05; TCVN 4732:2007
	Thí nghiệm vữa keo dán gạch: xác định cường độ bám dính, xác định thời gian mở, độ trượt; keo chít mạch: cường độ uốn nén, độ hút nước, độ co ngót	TCVN 7899:2008
13	GẠCH TERAZO	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
14	GẠCH XÂY	
	Xác định kích thước và khuyết tật; Xác định cường độ nén; Xác định cường độ uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi; Xác định sự thoát muối gạch xây	TCVN 6355:2009
15	GẠCH BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô, Độ thấm nước	TCVN 6477:2016
16	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	K/tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
17	GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN	
	Xác định kích thước và hình dáng; Xác định độ hút nước; Xác định độ bền uốn; Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men; Xác định độ chịu mài mòn sâu	TCVN 6415:05
	Thí nghiệm đá ốp lát tự nhiên	TCVN 4732:2007
	Gạch thủy tinh: Khối lượng thể tích, độ bền xung nhiệt, độ bền nước	TCVN 1044:11, TCVN 1045:88, TCVN 1046:04
18	NƯỚC XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng ion clorua Cl ⁻	TCVN 6194:96
	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:78
	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012
	Xác định vẩn dầu mỡ quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012
19	THỬ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM	
	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:09;ASTM D5199
	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:09;ASTM D5261
	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:10;ASTM D 4716
	Xác định độ bền kháng thủng bằng phép thử roi côn	TCVN 8484:10;BS 6906/6
	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:10;ASTM D4595
	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:10;BS EN ISO 12956
	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:10;ASTM D4491;BS 6906/3
	Xác định cường độ kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:11;ASTM D 4632:08
	Xác định sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:11;ASTM D 4833:07
	Khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-3:11; ASTM D6241; BS6906 part4:97; ISO 12236
	Cường độ kháng xuyên của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-4:11;ASTM D 4833:07
	Tốc độ thoát nước vô lọc dưới các cấp áp lực	TCVN 8483:10;ASTM D 4716
	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	ASTM D 4751:91;TCVN 8871-6:11
	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:11;ASTM D 3786:09
	Cường độ xé rách hình thang của vải địa kỹ thuật	ASTM D 1004-09;ASTM D4533;TCVN 8871-2:11
	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	TCVN 9138:2012; ASTM D 2256:10
	Thí nghiệm lưới địa kỹ thuật: kéo đứt,giãn dài, kích thước lỗ, độ cứng tại điểm uốn	ASTM D6637: 2015
20	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
	Xác định độ pH; Xác định tỷ trọng; Xác định hàm lượng chất khô; Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước và ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông và cường độ của bê tông; ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở của bê tông	TCVN 8826:2011;ASTM C494-12;ASTM C1017M-07;AASHTO M194-11
21	PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH CHO BÊ TÔNG	
	Xác định độ mịn; Xác định khối lượng riêng; Xác định chỉ số hoạt tính; Xác định thành phần hóa học; Kiểm tra khả năng chống ăn mòn sunfat của phụ gia thông qua thí nghiệm độ giãn nở của vữa, bê tông sử dụng phụ gia	TCVN 8827:11;TCVN 8825:11;ASTM C311-11 ASTM C1240-11
22	KÍNH XÂY DỰNG	
	Kiểm tra sai lệch chiều dày; Xác định khuyết tật ngoại quan, dung sai chiều dày kính; Xác định độ cong vênh	TCVN 7219:2018; TCVN 7527:2005; TCVN 7364:2004
	Xác định độ mài mòn kính	TCVN 7528:2005
	Thử phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013
	Xác định ứng suất bề mặt kính; Xác định ứng suất cạnh kính	TCVN 8261 : 2009
	Xác định độ bền va đập bằng bi rơi; bằng con lắc	TCVN 7368 : 2013
	Xác định độ bền nhiệt (điều kiện ẩm; điều kiện khô)	TCVN 7364 : 2004
	Độ bám dính của lớp sơn phủ, độ bền axit, độ bền kiềm	TCVN 7625:07; TCVN 7528 : 2005

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời; Độ truyền sáng, độ bền quang	TCVN 7527:2005; TCVN 7364-4,5,6:2018
	Xác định hệ số truyền năng lượng bức xạ mặt trời	TCVN 7529 : 2005
	Độ phản xạ ánh sáng, điểm sương, hệ số ngăn chặn nhiệt mặt trời, độ cách nhiệt toàn phần	TCVN 8260:2009; TCVN 7737 : 2007
23	THÍ NGHIỆM SƠN VÀ LỚP PHỦ	
	Xác định độ mất màu; Xác định độ tích bụi; Xác định độ thay đổi độ bóng; Xác định độ mài mòn; Xác định độ rạn nứt; Xác định độ đứt gãy; Xác định độ phồng rộp; Xác định độ tạo vảy và bong tróc; Xác định độ phân hóa; Xác định độ thay đổi màu; Xác định mức độ phát triển của nấm và tảo	TCVN 8785:2011
	Xác định cường độ bám dính sơn, độ bóng màng sơn, độ cứng sơn bằng pp bút chì	ASTM D4541;TCVN 9349:2012 TCVN 2101:2008 ;ASTM D3363
	Dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098 : 2007
	Độ bền va đập	TCVN 2100:2007
	Sơn Epoxy: tính đồng nhất, thời gian sống, khả năng chịu kiềm, chịu xăng, chịu nước muối, độ bền mù muối, hàm lượng chất không bay hơi, định tính nhựa epoxy, độ bền thời tiết	TCVN 9014:2011;TCVN 8792:2011
24	SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG	
	Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo xác định: Hàm lượng chất tạo màng, phân loại cỡ hạt và xác định hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ bền nhiệt, độ mài mòn, độ kháng cháy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn, các chỉ tiêu thử nghiệm hiện trường, nhiệt độ hoá mềm.	TCVN 8791:2011
	Sơn tín hiệu giao thông – Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước xác định: chiều dày, màu sắc vạch sơn	ISO 2808; TCVN 2102:2008; ASTM D6628
	Sơn tín hiệu giao thông – Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước xác định: độ chống loang màu, độ phản quang, độ phát sáng, độ mài mòn.	TCVN 8786:2011; TCVN 8787:2011
25	THÍ NGHIỆM SƠN TƯỜNG, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM - SƠN NHỮ TƯƠNG BITUM	
	Phương pháp xác định màu sắc	TCVN 2102:2008
	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính sử dụng, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn; Xác định độ bền nước của màng sơn; Xác định độ bền kiềm của màng sơn; Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn; Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653:2012
	Xác định độ nghiền mịn	TCVN 2091:2008
	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096:1993
	Xác định độ bám dính của màng sơn	TCVN 2097:1993
	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
	Độ nhớt quy ước	TCVN 2092:2008
	Độ bền uốn	TCVN 2099:2007
	Thời gian khô	TCVN 6557:2000
	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:1993
	Độ chịu nhiệt, Độ xuyên nước, Độ bền lâu	TCVN 6557:2000



STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
26	THỬ NGHIỆM BỘT BẢ TƯƠNG	
	Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính với nền, độ bền nước.	TCVN 7239:03
27	TẨM THẠCH CAO	
	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh; Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định độ kháng nhỏ dính; Xác định độ biến dạng âm; Xác định độ hút nước; độ hấp thụ nước bề mặt; độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8257:09
	Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của khung xương thạch cao: cường độ, chịu tải khung xương	ASTM C645:11; ASTM E376:03; ASTM C635/C635M:17
28	BẢNG CHẶN NƯỚC PVC	
	Khối lượng riêng; Độ cứng Shore A; Cường độ chịu kéo; Độ giãn dài khi đứt; Tỷ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt; Độ bền hóa chất; Xác định độ kháng kiềm	TCVN 9407:2014, TCVN 4866:2007, TCVN 15951:2007, TCVN 4509:2006
29	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA	
	Xác định độ va đập của ống nhựa, độ oval của ống, Thử áp suất của ống nhựa	TCVN 7305:2008 , TCVN 6144:2003
	Thử độ chịu nhiệt	ASTM D1525
	Thử độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2004
	Áp lực nén ngoài	TCVN 6149:07
	Thử độ bền nén	TCVN 7997:2009
	Xác định kích thước ống, sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6145 : 2007, TCVN 8491:2011, TCVN 6148:2007
	Độ bền màu, Độ bền hóa học với các dung dịch, Độ bền hóa chất, Áp lực nén trong	TCVN 8699:2011; TCVN 9070:2012
	Ống và phụ tùng nối bằng PVC xác định: Kích thước, độ bền với áp suất bên trong, độ bền va đập bên ngoài, nhiệt độ hoá mềm Vicat	TCVN 6151:2002
30	PHỤ GIA TRO BAY	
	Hàm lượng canxi ôxít tự do (CaO_{td}); Hàm lượng lưu huỳnh, hợp chất lưu huỳnh tính quy đổi ra SO_3 ; Hàm lượng mất khi nung; Hàm lượng kiềm có hại; Hàm lượng ion clo (Cl^-); Chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng sau 28 ngày	TCVN 10302:2014
31	VẬT LIỆU CHỐNG THẨM GÓC XIMĂNG-POLYME	
	Cường độ bám dính sau khi ngâm nước, Cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt, Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện thường, Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	BS EN 14891:2007
32	VẬT LIỆU EPOXY/POLYME	
	Cường độ chịu kéo, Mô đun đàn hồi khi kéo, giãn dài, Cường độ chịu uốn, Mô đun đàn hồi khi uốn, Cường độ chịu nén, Mô đun đàn hồi khi nén	ASTM D638
33	MÀNG HDPE	
	Chiều dày; tỷ trọng; Cường độ chịu kéo khi đứt; giãn dài khi đứt; Cường độ chịu kéo tại điểm uốn, giãn dài tại điểm uốn; Độ bền xé; Độ bền chọc thủng; Hàm lượng carbon đen	ASTM D5199 ; ASTM C1505 ;ASTM D6693; ASTM D1004; ASTM D4833;ASTM D1603
34	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định kích thước, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, độ co khô, hệ số ma sát	TCVN 7959:2011
35	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BỀ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP	
	Xác định kích thước, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, độ co khô, độ hút nước, hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2011
36	THỬ NGHIỆM NGÓI LỘP	
	Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng trên 1m ² ngói bảo hòa	TCVN 4313:1995
37	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU GỖ	
	Xác định chỉ tiêu gỗ tự nhiên: độ ẩm, khối lượng thể tích, giới hạn bền khi uốn tĩnh, mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, giới hạn bền nén, ứng suất song song thớ, giới hạn bền kéo	TCVN 8048:2009
	Xác định chỉ tiêu gỗ nhân tạo: Kích thước, độ vuông góc và thẳng cạnh, độ ẩm	TCVN 11904:2017
	Xác định khối lượng thể tích, độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước, mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh, độ bền kéo vuông góc với mặt ván, độ bền ẩm, chất lượng dán dính của ván gỗ dán, độ bền bề mặt, lực bám đinh vít, độ chống mài mòn, mài mòn sàn gỗ	TCVN 7753:07; TCVN 7756:2007; TCVN 7755:07, BS EN 13329:2016, ASTM C217
	Gỗ ghép bằng thanh keo: xác định kích thước, độ ẩm, khối lượng riêng, khối lượng riêng, mô đun đàn hồi, độ bền kéo, bền nén, trượt dọc thớ	TCVN 8574:10
	Tấm compact và aluminium: Xác định kích thước, độ bền kéo nén, độ bền va đập, độ bền nhiệt	ASTM D1621:00; ASTM 5628:96; ISO 4586-2:04
38	THỬ NGHIỆM DÂY, CÁP VÀ PHỤ KIỆN ĐIỆN TRONG XÂY DỰNG DÂY DUNG	
	Dây điện và dây tín hiệu: đường kính sợi đồng, chiều dày lớp cách điện, vỏ bọc, điện trở dây dẫn, khả năng chống cháy, thử kéo dây	TCVN 6614:08; TCVN 6099:07
	Phụ kiện điện hạt công tắc, ổ cắm, đế nhựa: kích thước hình học, đường kính vết lõm khi nén	TCVN 6480:08; IEC 60884
39	TẤM COMPOSITE	
	Xác định khối lượng riêng, độ bền kéo, uốn, nén, độ bền va đập, nhiệt hóa mềm, nhiệt độ biến dạng, sự thay đổi kích thước khi gia nhiệt, độ bền hóa chất, độ bền ngâm nước sôi	ASTM D1505, TCVN 4501:2014, ASTM 638-02, ASTM 695-02
40	VẬT LIỆU SIKA	
	Độ chảy, Độ cứng shore A, Khả năng đùn chảy, Thời gian không dính bề mặt, Cường độ bám dính, Ảnh hưởng lão hóa nhiệt	ASTM C 661
	Cường độ chịu nén	ASTM C 349
	Cường độ chịu uốn	ASTM C 348
	Độ trương nở thể tích sau 240h, Trọng lượng riêng	ASTM D71, ASTM D471
	Thanh chèn khe: khối lượng riêng; Độ hấp thụ nước	ASTM D1622; ASTM C1016
41	CAO SU, CAO SU LƯU HÓA VÀ CHẤT ĐÀN HỒI ĐẸO	
	Thí nghiệm cường độ kéo căng, độ co giãn, xác định độ chịu mài mòn, biến dạng dư sau khi nén, độ cứng, khối lượng riêng, khả năng truyền hơi nước, độ dẫn từ, độ cứng	ASTM D412, TCVN 5363 : 2006, TCVN 5320 : 2008, TCVN 9810:2013,TCVN 4866:2013;ASTM E-96;ASTM D2240-00

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
42	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM - SƠN BITUM CAO SU, MÀNG CHỐNG THẤM	
	Phương pháp xác định thời gian khô, độ bám dính của màng sơn trên nền bê tông	TCVN 6557 : 2000; ASTM D7234-12
	Xác định độ kéo, độ giãn dài, Xác định tỷ trọng, Xác định cường độ xé rách, Xác định hệ số thấm, Xác định độ ổn định kích thước, khả năng tạo cầu vết nứt	ASTM D6693; EN 12311, ASTM D1505, ASTM D1004, ASTM D5385; ASTM E96, ASTM D1603, ASTM D1204; ASTM C1305
43	TÁM TRÁI CHỐNG THẤM TRÊN CƠ SỞ BITUM BIẾN TÍNH	
	Tải trọng kéo đứt ngang khô, dọc khô, độ giãn dài, độ bền nhiệt, độ chống thấm dưới áp lực thủy tĩnh, độ bền chọc thủng động, độ bền mối nối	TCVN 9067:2012; JIS A6013:1996; ASTM D5635-04a
44	XỈ LÒ CAO NGHIÊN MỊN	
	Khối lượng riêng, Bề mặt riêng, chỉ số hoạt tính cường độ, tỷ lệ độ lưu động, độ ẩm, hàm lượng MgO, SO ₃ , CL, mất khi nung	TCVN 4030:2003; TCVN 11586:2016; TCVN 8265:2009
45	VẬT LIỆU CHỊU LỬA	
	Xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường;Xác định khối lượng riêng;Xác định khối lượng thể tích, độ hút nước, độ xốp biểu kiến và độ xốp thực;Xác định độ co, nở phụ sau khi nung;Xác định nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng;Xác định độ chịu mài mòn ở nhiệt độ thường; Xác định khối lượng thể tích vật liệu dạng hạt	TCVN 6530:2007
46	THỬ VẬT LIỆU CÁCH NHIỆT	
	Xác định kích thước;Xác định độ bền uốn;Xác định Khối lượng thể tích và độ xốp thực;Xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường;Xác định độ dẫn nhiệt bằng phương pháp tấm phẳng	TCVN 7950:2008; TCVN 7949:2008
47	THỬ NGHIỆM SỬ VỆ SINH	
	Kiểm tra ngoại quan và kích thước sai lệch của sản phẩm, xác định độ hút nước, kiểm tra độ bền nhiệt, kiểm tra độ bền hoá của men, kiểm tra độ bền rạn men, xác định độ cứng bề mặt men, xác định khả năng chịu tải	TCVN 5436:2006
48	CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI	
	Xác định độ lọt khí, độ kín nước, độ bền góc hàn thanh profile U-PVC, lực đóng, thử nghiệm đóng và mở lại	TCVN 7452:2004
49	TÁM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG	
	Xác định khuyết tật ngoại quan, lực uốn gãy, khối lượng thể tích, thời gian xuyên nước	TCVN 4435:2000
50	HỆ CHẤT KẾT DÍNH GÓC NHỰA EPOXY CHO BÊ TÔNG	
	Độ chảy sệt, thời gian tạo gel, cường độ dính kết, độ hấp thụ nước sau 24 giờ, nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng uốn, khả năng thích ứng nhiệt, hệ số co ngót sau khi đông rắn, cường độ chịu nén ở điểm chảy, Modul đàn hồi khi nén ở 7 ngày, cường độ chịu kéo ở 7 ngày, độ giãn dài khi đứt, cường độ liên kết	TCVN 7951:2008,TCVN 7952:2008, ASTM C881-20, C884-16, C1404-98; D570-98; D638-14; D648-18; D695-15; D2393-86
51	SILICON XẮM KHE CHO KẾT CẤU XÂY DỰNG	
	Xác định độ chảy, khả năng đùn chảy, độ cứng, ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến tổn hao khối lượng, thời gian không dính bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 8267:2009
52	BÊ TÔNG CHỊU NHIỆT	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định khối lượng thể tích sau khi nung; Xác định cường độ nén sau khi nung; Xác định độ thay đổi chiều dài sau khi nung	ASTM C 134-95; ASTM C 133-97 ; ASTM C 113-14
53	TẤM TƯỜNG RỒNG BÊ TÔNG ĐÚC SẴN THEO CÔNG NGHỆ ĐÙN ÉP	
	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật cho phép, độ hút nước, độ bền va đập, độ bền treo vật nặng	TCVN 11524:2016; TCVN 7575-2:2007
57	TẤM 3D DÙNG TRONG XÂY DỰNG	
	Xác định độ bền nén uốn, độ chịu lửa, độ cách âm trong không khí	TCVN 7575:2007
55	THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) POLY (VINYL CLORUA) KHÔNG HOÁ ĐỂO (PVC-U) DÙNG ĐỂ CHẾ TẠO CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI	
	Xác định độ bền va đập bi rơi của thanh profile chính Xác định ngoại quan sau khi lưu hoá nhiệt ở 150°C; Xác định độ ổn định kích thước sau khi lưu hoá nhiệt ở 150°C; Xác định độ bền góc hàn thanh profile	BS EN 477; BS EN 478; BS EN 479 TCVN 7452:2004
56	SỢI THUYẾTÍNH	
	Xác định độ ẩm, khối lượng dài, hàm lượng chất kết dính, đường kính trung bình, độ xe của sợi, lực kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 7739:2007
57	VẬT LIỆU CHỐNG THẤM - TẤM CPE	
	Xác định độ dày, độ bền bóc tách của mối dán, tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70°C, độ bền trong môi trường vi sinh, độ bền trong môi trường hoá chất	TCVN 9409:2014
58	CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM	
	Xác định kích thước, mức sai lệch cho phép; kiểm tra ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 5847:2016; JIS A5309-1995
59	BÓ VĨA BÊ TÔNG	
	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.